

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
NĂM 2021**



**HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP CÓ KHẢ NĂNG
CHỐNG CHỊU CAO TỪ KINH NGHIỆM ỨNG PHÓ
VỚI ĐẠI DỊCH COVID - 19**

Hà Nội, tháng 7 năm 2022

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VỀ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2021

**HƯỚNG ĐẾN PHÁT TRIỂN NỀN NÔNG NGHIỆP CÓ KHẢ NĂNG
CHỐNG CHỊU CAO TỪ KINH NGHIỆM ỨNG PHÓ
VỚI ĐẠI DỊCH COVID-19**



Hà Nội, tháng 7 năm 2022

Bản quyền thuộc Học viện Nông nghiệp Việt Nam (2022)

Nhóm tác giả:

Đồng chủ trì:

TS. Cao Đức Phát

GS.TS. Trần Đức Viên

Thành viên tham gia:

GS.TS. Nguyễn Thị Lan

TS. Dương Nam Hà

TS. Trần Thị Thu Hương

TS. Hoàng Sĩ Thính

TS. Nguyễn Thị Thu Huyền

Yêu cầu trích dẫn: Cao Đức Phát, Trần Đức Viên, Nguyễn Thị Lan, Dương Nam Hà, Trần Thị Thu Hương, Hoàng Sĩ Thính và Nguyễn Thị Thu Huyền (2022). *Báo cáo thường niên về nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2021: Hướng đến phát triển nền nông nghiệp có khả năng chống chịu cao từ kinh nghiệm ứng phó với đại dịch COVID-19*. Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Ảnh bìa: Phòng thí nghiệm trọng điểm Công nghệ sinh học thú y (Học viện Nông nghiệp Việt Nam) với các trang thiết bị hiện đại gồm cả các máy PCR và Realtime PCR giúp xét nghiệm COVID-19 được Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Nguyễn Kim Sơn đến thăm năm 2021 (Nguồn: Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG.....	v
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	v
LỜI CẢM ƠN.....	vi
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vii
CÁC KHÁI NIỆM	viii
TÓM TẮT	x
LỜI MỞ ĐẦU.....	xvii
PHẦN I. SỰ CẦN THIẾT NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP TRƯỚC CÁC CÚ SỐC VÀ CĂNG THẲNG BẤT LỢI.....	1
<i>1.1. Khái niệm và sự cần thiết nâng cao khả năng chống chịu của nông nghiệp.....</i>	<i>1</i>
<i>1.2. Tác động của các cú sốc và căng thẳng đến các nhóm đối tượng trong hệ thống nông lương.....</i>	<i>3</i>
<i>1.3. Khung phân tích khả năng chống chịu của nền nông nghiệp Việt Nam</i>	<i>6</i>
PHẦN II. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN NÔNG NGHIỆP VÀ ỨNG PHÓ CỦA VIỆT NAM	8
<i>2.1. Diễn biến đại dịch trên thế giới và Việt Nam.....</i>	<i>8</i>
<i>2.2. Tác động của đại dịch COVID-19 đến sản xuất nông nghiệp</i>	<i>9</i>
<i>2.3. Tác động của đại dịch COVID-19 đến người sản xuất.....</i>	<i>18</i>
<i>2.4. Tác động của đại dịch COVID-19 đến chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm</i>	<i>21</i>
<i>2.5. Tác động của đại dịch COVID-19 tới kinh tế vĩ mô thông qua ngành nông nghiệp... </i>	<i>23</i>
<i>2.6. Ứng phó của ngành nông nghiệp Việt Nam với đại dịch COVID-19</i>	<i>26</i>
PHẦN III. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP TỪ KINH NGHIỆM PHÒNG CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19	31
<i>3.1. Phương hướng nâng cao khả năng chống chịu đối với các nhóm đối tượng.....</i>	<i>31</i>
<i>3.2. Giải pháp chính nâng cao năng lực phòng ngừa của nông nghiệp.....</i>	<i>31</i>
<i>3.3. Giải pháp chính nâng cao năng lực dự phòng, phản ứng sớm của nông nghiệp</i>	<i>33</i>

3.4. Các giải pháp chính nâng cao năng lực đối phó, hấp thụ rủi ro, khắc phục hậu quả của nông nghiệp.....	33
3.5. Giải pháp chính nâng cao năng lực thích ứng của nông nghiệp	34
3.6. Các giải pháp chính nâng cao năng lực chuyển đổi của nông nghiệp	35
3.7. Giải pháp khác để nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp.....	36
PHẦN IV. KIẾN NGHỊ	40
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	41

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Tóm tắt đánh giá tác động đại dịch COVID-19 đối với ngành nông nghiệp hết tháng 6/2020	9
Bảng 2. GDP và giá trị tăng thêm ngành nông lâm thủy sản giai đoạn 2011-2021 (theo quy mô GDP điều chỉnh; giá so sánh 2010).....	10
Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2011-2021	11
Bảng 4. Sản lượng thủy sản.....	16
Bảng 5. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam theo tháng của năm 2020 và 2021	17
Bảng 6. Tổng hợp một số chính sách/gói hỗ trợ của Nhà nước cho người dân và doanh nghiệp ứng phó với COVID-19.....	26

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1. Diễn biến số ca nhiễm COVID-19 hàng ngày toàn cầu và Việt Nam từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2022 (ĐVT: triệu ca).....	8
Biểu đồ 2. Tăng trưởng GDP toàn quốc và ngành nông nghiệp (ĐVT: %)	11
Biểu đồ 3. Tăng trưởng giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt (ĐVT: %).....	12
Biểu đồ 4. Tăng trưởng giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi (ĐVT: %).....	14
Biểu đồ 5. Tăng trưởng ngành lâm nghiệp (ĐVT: %).....	15
Biểu đồ 6. Tăng trưởng ngành thủy sản (ĐVT: %)	17
Biểu đồ 7. Lao động có việc làm theo khu vực kinh tế 2019-2021 (ĐVT: Triệu người).....	19
Biểu đồ 8. Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn 2016-2021 (ĐVT: %)	24

LỜI CẢM ƠN

Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã thành lập nhóm soạn thảo báo cáo này do TS. Cao Đức Phát và GS.TS. Trần Đức Viên đồng chủ trì, với sự tham gia của GS.TS. Nguyễn Thị Lan, TS. Dương Nam Hà, TS. Trần Thị Thu Hương, TS. Hoàng Sĩ Thính và TS. Nguyễn Thị Thu Huyền.

Báo cáo này đã nhận được sự góp ý quan trọng của các nhà khoa học từ nhiều chuyên ngành của Học viện, bao gồm GS.TS. Vũ Đình Tôn, PGS.TS. Trần Hữu Cường, PGS.TS. Nguyễn Quang Học, PGS.TS. Nguyễn Thanh Lâm, PGS.TS. Bùi Thị Nga, TS. Nguyễn Anh Trụ, TS. Nguyễn Văn Lộc, TS. Lại Thị Ngọc Hà và Khoa Công nghệ sinh học.

Học viện Nông nghiệp Việt Nam trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ và góp ý của TS. Trần Công Thắng và Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn (IPSARD), TS. Nguyễn Văn Việt và Vụ Kế hoạch, KS. Nguyễn Quốc Toàn và Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Văn phòng đại diện Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc tại Việt Nam.

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ cái viết tắt	Ý nghĩa chữ viết tắt
COVID-19	Bệnh do virus Corona gây ra năm 2019
CNC	Công nghệ cao
CPI	Chỉ số giá tiêu dùng
DTLCP	Dịch tả lợn châu Phi
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐVT	Đơn vị tính
FAO	Tổ chức Nông Lương (của Liên hợp quốc)
FSS	Hội nghị thượng đỉnh về Các hệ thống lương thực
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GTGT	Giá trị gia tăng
IFAD	Quỹ quốc tế về Phát triển nông nghiệp
IPSARD	Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp, nông thôn
ODA	Hỗ trợ Phát triển Chính thức
PTNNNT	Phát triển nông nghiệp – nông thôn
PTNT	Phát triển nông thôn
SARS	Hội chứng hô hấp cấp tính nặng
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
UN	Liên hợp quốc
USD	Đô la Mỹ - Đơn vị tiền tệ của Mỹ
VCCI	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
WB	Ngân hàng Thế giới
WFP	Chương trình Lương thực thế giới

CÁC KHÁI NIỆM

Các khái niệm dưới đây được trích và phát triển từ báo cáo của FAO (2021)¹:

Các cú sốc. Diễn biến ngắn hạn chệch khỏi xu thế dài hạn tạo ra ảnh hưởng tiêu cực lớn tới một hệ thống, phúc lợi, tài sản, điều kiện sống, sự an toàn và khả năng chống đỡ các cú sốc khác trong tương lai của con người. Các loại sốc tác động đến các hệ thống nông lương bao gồm thảm họa, các hiện tượng thời tiết cực đoan, các sự cố sinh học và công nghệ, các đợt bùng phát dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, khủng hoảng kinh tế, chiến tranh. Các cú sốc có thể xảy ra riêng rẽ nhưng cũng có thể xảy ra đồng thời. Khủng hoảng đại dịch COVID-19 chính là một cú sốc.

Căng thẳng. Xu hướng hoặc các loại áp lực dài hạn làm xói mòn sự ổn định của một hệ thống và làm tăng tính dễ bị tổn thương trong hệ thống đó. Căng thẳng có thể là hệ quả của sự suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên, đô thị hóa, áp lực dân số, sự thay đổi của khí hậu, sự mất ổn định chính trị hoặc suy thoái kinh tế.

Hệ thống nông lương. Bao gồm các tác nhân và các hoạt động liên quan lẫn nhau nhằm làm tăng giá trị trong sản xuất các sản phẩm lương thực và phi lương thực, bảo quản, thu gom, xử lý sau thu hoạch, vận chuyển, chế biến, phân phối, tiếp thị, tiêu dùng, tiêu hủy tất cả các loại sản phẩm lương thực, bao gồm cả các sản phẩm có nguồn gốc không phải từ sản xuất nông nghiệp.

Khả năng chống chịu. Khả năng của các cá nhân, hộ, cộng đồng, tổ chức, hệ thống và xã hội ngăn ngừa, dự phòng, hấp thu, thích ứng và chuyển đổi tích cực, hiệu quả, khi gặp phải các rủi ro vẫn duy trì sự vận hành ở mức độ có thể chấp nhận được mà không phải hy sinh các mục tiêu phát triển bền vững dài hạn, an ninh, trật tự và phúc lợi của tất cả mọi người.

Khả năng chống chịu của hệ thống nông lương. Năng lực của hệ thống nông lương trải qua bất kỳ sự đứt gãy nào mà vẫn bảo đảm duy trì bền vững sự sẵn có và khả năng tiếp cận lương thực đầy đủ, an toàn, đủ dinh dưỡng cho mọi người, đồng thời duy trì sinh kế của các tác nhân tham gia hệ thống. Nói cách khác, khả năng chống chịu của một hệ thống bao gồm khả năng để chịu được tác động của các cú sốc, đồng thời thích nghi và biến đổi để tiếp tục hoàn thành các chức năng của nó.

Phân loại năng lực chống chịu. Các hệ thống, thể chế, cá nhân được coi là có khả năng chống chịu khi có được các loại năng lực sau đây:

¹Trích dẫn và phát triển từ báo cáo của FAO (2021): The State of Food and Agriculture 2021: Making agrifood systems more resilient to shocks and stresses. Rome, FAO. Link: <https://doi.org/10.4060/cb4476en>

- **Năng lực phòng ngừa:** Khả năng thực hiện các giải pháp để giảm nguy cơ gặp phải các cú sốc hoặc căng thẳng, giảm thiểu rủi ro hiện có, ngăn ngừa việc tạo ra rủi ro mới.

- **Năng lực dự phòng:** Khả năng hành động sớm trước mỗi nguy cơ để giảm thiểu tác động tiêu cực có thể xảy ra thông qua cảnh báo sớm, đầu tư trước dựa trên các dự báo.

- **Năng lực hấp thu:** Khả năng chống đỡ các cú sốc, căng thẳng và phục hồi trở lại, sử dụng các giải pháp được xác định trước để bảo vệ và khôi phục các loại hạ tầng cơ sở cũng như hoạt động của chúng.

- **Năng lực thích ứng:** Khả năng thực hiện những điều chỉnh và thay đổi bổ sung đối với cơ cấu và hoạt động của một hệ thống để bảo vệ các chức năng cốt lõi mà không làm thay đổi lớn về bản chất của cơ cấu và hoạt động của hệ thống đó.

- **Năng lực chuyển đổi:** Khả năng tạo ra những hệ thống hoàn toàn mới khi các kết cấu sinh thái, kinh tế và xã hội làm cho các hệ thống hiện tại không thể tiếp tục hoạt động. Cần có năng lực chuyển đổi khi có sự thay đổi nhiều hơn so với những gì mà năng lực phòng ngừa, dự phòng, hấp thu, thích ứng có thể làm được và các kết cấu sinh thái, kinh tế, xã hội làm cho các hệ thống hiện có trở nên không bền vững, đặt con người vào vòng luẩn quẩn của đói nghèo, thiên tai và tranh chấp.

Rủi ro. Khả năng của các cú sốc và căng thẳng gây ảnh hưởng tiêu cực tới các hệ thống, cộng đồng, hộ hoặc các cá nhân.

Tính dễ bị tổn thương. Các điều kiện được xác định bởi các yếu tố hoặc quá trình vật chất, xã hội, kinh tế và môi trường mà chúng có thể làm tăng khả năng bị ảnh hưởng hay bị thiệt hại của các cá nhân, cộng đồng, tài sản hoặc hệ thống trước những tác động trái chiều/tiêu cực của các cú sốc và căng thẳng.

TÓM TẮT

1. SỰ CẦN THIẾT NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP TRƯỚC CÁC CÚ SỐC VÀ CĂNG THẲNG BẤT LỢI

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Tuy nhiên, nông nghiệp luôn phải đối phó với nhiều yếu tố tác động tiêu cực làm triệt tiêu các nỗ lực thúc đẩy phát triển, gây mất ổn định trong sản xuất và đời sống xã hội. Do nông nghiệp liên quan đến đời sống của mọi người dân và nhiều ngành kinh tế, bất ổn trong nông nghiệp có thể gây phản ứng lan truyền trên diện rộng. Do vậy, bên cạnh các nỗ lực thúc đẩy phát triển phải chú trọng đúng mức tới việc đối phó, hạn chế tác động tiêu cực của các rủi ro có thể xảy ra.

Quy mô và mức độ tác động của các rủi ro có thể rất khác nhau tùy thuộc vào bản chất của rủi ro và khả năng phòng, chống của các đối tượng liên quan. Xây dựng khả năng chống chịu là một phần của nỗ lực phát triển bền vững.

Ở nước ta, vấn đề xây dựng năng lực chống chịu cho nền kinh tế và xã hội đã được quan tâm, từng bước xây dựng năng lực của hệ thống phòng chống thiên tai, dịch bệnh, hạn chế thiệt hại khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Tuy vậy, việc xây dựng khả năng chống chịu của xã hội nói chung, nền nông nghiệp nói riêng chưa toàn diện, việc thực hiện còn thiếu đồng bộ, nặng về đối phó khi rủi ro xảy ra, sự chủ động chưa cao.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu, gia tăng giao thương quốc tế, khả năng xuất hiện các rủi ro thiên tai, dịch bệnh có xu hướng tăng về tần suất và cường độ, đồng thời xuất hiện nhiều loại rủi ro khác, khó lường. Để đảm bảo sự ổn định nhất định trong phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, đã đến lúc phải xem xét toàn diện việc xây dựng năng lực chống chịu. Đại dịch COVID-19 đã một lần nữa cho thấy sự cần thiết và tính cấp bách của công việc này.

Các cú sốc đều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản xuất nông nghiệp. Thiên tai (bão, lũ, hạn hán, rét đậm, xâm nhập mặn bất thường...), dịch bệnh dẫn đến giảm sản lượng cây trồng, vật nuôi. Các rủi ro dài hạn như biến đổi khí hậu, đô thị hóa thiếu kiểm soát lấy đi nguồn lực của nông nghiệp... thường làm cho tác động của các cú sốc ngắn hạn thêm nặng nề và khó khắc phục. Phần lớn các dự báo đều cho thấy biến đổi khí hậu sẽ có tác động tiêu cực tới sản lượng nông nghiệp.

Phần lớn các cú sốc đều ảnh hưởng tiêu cực đến người sản xuất. Do phải tăng chi phí để phòng chống, sản lượng bị giảm, hoặc cả hai, thu nhập của người sản xuất bị giảm. Trường hợp giá nông sản tăng, giá vật tư giảm, phần lớn lợi ích trước hết rơi vào tay người phân phối. Người sản xuất chỉ được hưởng một phần tùy thuộc nhiều vào mức độ thông thoáng và cạnh tranh trên thị trường.

Phần lớn các cú sốc đều dẫn đến gián đoạn, xáo trộn chuỗi cung ứng. Thiên tai thường gây ách tắc lưu thông, nhất là tới các vùng sâu, vùng xa, nơi đường giao thông kém phát triển. Điều này cũng xảy ra khi có dịch bệnh và phải áp dụng các biện pháp kiểm soát để ngăn ngừa sự lây lan. Nguồn cung và giá cả thay đổi gây khó khăn cho các nhà chế biến, kinh doanh bán buôn, bán lẻ và cả người tiêu dùng lương thực.

Các quốc gia phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu lương thực có nguy cơ bị gián đoạn nguồn cung trong nước. Sự gián đoạn trong nhập khẩu vật tư, nguyên liệu cũng sẽ làm tăng chi phí sản xuất nông sản và giảm lợi nhuận của người sản xuất nông nghiệp (trong đó có nông dân).

Giá cả lương thực, thực phẩm tăng thường tác động mạnh đến chỉ số lạm phát do các loại hàng hóa này thường chiếm tỷ trọng khá lớn trong rổ hàng hóa tiêu dùng.

Nhà nước thường phải bỏ ra lượng ngân sách lớn để phòng, chống, khắc phục rủi ro, cứu trợ cho những người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh. Trong điều kiện ngân sách hạn hẹp, điều này sẽ ảnh hưởng đến đầu tư phát triển. Các quốc gia phụ thuộc vào nhập khẩu sẽ phải tăng chi ngoại tệ để nhập khẩu lương thực. Trong một số trường hợp, các cú sốc gây tác động nặng nề, trên diện rộng có thể dẫn đến những bất ổn xã hội, chính trị.

2. TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN NÔNG NGHIỆP VÀ ỨNG PHÓ CỦA VIỆT NAM

Tháng 12/2019, dịch COVID-19 lần đầu tiên được phát hiện, sau đó đã lan rộng khắp thế giới. Để phòng chống đại dịch, hầu hết các nước đã áp dụng các biện pháp hạn chế đi lại. Đại dịch đã gây ra cú sốc dẫn đến suy thoái kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Đến nay đại dịch có xu hướng giảm, các nước từng bước mở cửa trở lại, giao thương dần được phục hồi.

Ngày 23/1/2020 xuất hiện ca mắc COVID-19 đầu tiên tại Việt Nam. Chính phủ đã tổ chức thực hiện nhiều giải pháp phòng chống đại dịch tùy theo yêu cầu và điều kiện từng giai đoạn. Ngày 11/10/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết 128/NQ-CP nhằm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Thực hiện chủ trương này, việc giao thương, đi lại giữa các địa phương được nới lỏng.

Năm 2020-2021, Đại dịch COVID-19 đã làm tăng trưởng của GDP toàn quốc giảm mạnh, trong khi đó ngành nông nghiệp duy trì tăng trưởng khá ổn định nhưng ở mức gần tương đương (tương ứng là 2,68 và 2,9%) so với trung bình 10 năm 2011-2021.

Đại dịch COVID-19 làm thị trường nông sản đình trệ, ảnh hưởng nhiều tới các hộ nông nghiệp, nhất là các hộ sản xuất hàng hóa tươi sống, như hoa, quả, thủy sản. Tuy nhiên, giãn cách xã hội do đại dịch cũng ảnh hưởng tới các hộ tham gia hoạt động phi nông nghiệp, bao gồm các hoạt động kinh doanh tại địa phương, người lao động đi làm

tại các thành phố, làm công ăn lương tại các doanh nghiệp. Khủng hoảng kinh tế khiến tình trạng thất nghiệp tăng lên và điều kiện làm việc trở nên khó khăn hơn, dẫn đến dòng di cư “ngược trở lại nông thôn”, làm trầm trọng thêm tình hình thiếu việc làm ở khu vực nông thôn.

Khảo sát của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT (IPSARD, IFAD và ADB, 2020) cho thấy, khoảng 56% hộ nông thôn bị giảm thu nhập trong thời gian đại dịch COVID-19 bùng phát từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2020 và trong giai đoạn sau đó do ảnh hưởng của các biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh. Trước hoàn cảnh khó khăn, phần lớn các hộ đều tự nỗ lực để vượt qua. Nhà nước đã ban hành một số chính sách hỗ trợ nông dân.

Đại dịch đã ảnh hưởng tiêu cực tới đa số doanh nghiệp. Năm 2021, sự bùng phát mạnh của làn sóng COVID-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách kéo dài (đặc biệt là quý III/2021) đã tác động tiêu cực đến gia tăng số lượng doanh nghiệp.

Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 đã góp phần quan trọng trong khôi phục sản xuất và thúc đẩy thị trường, từng bước tạo niềm tin cho các doanh nghiệp. Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, các doanh nghiệp được thành lập mới và trở lại hoạt động là 1.640 doanh nghiệp, nâng tổng số lên trên 14.400 doanh nghiệp nông nghiệp.

Trong điều kiện đại dịch, do có nguồn cung dồi dào nên nước ta luôn đảm bảo cung cấp đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Trong một số trường hợp, trước khi phong tỏa, đã có tình trạng mua gom, tích trữ lương thực, thực phẩm. Tuy nhiên, tình trạng này chỉ xảy ra trong thời gian ngắn ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh vào thời gian dịch bệnh mới bùng phát. Nguyên nhân chính là do tâm lý của một bộ phận người tiêu dùng tạo ra sự tăng cầu đột biến, không phải do thiếu nguồn cung. Trong khâu vận chuyển có một số khó khăn liên quan đến thủ tục kiểm dịch, dừng kinh doanh một số chợ đầu mối... nhưng Chính phủ và các địa phương tích cực, chủ động tháo gỡ, tạo “luồng xanh” cho nông sản nên cơ bản không dẫn đến ách tắc, đứt gãy chuỗi cung ứng trong nước.

Trong hai năm 2020-2021, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp liên tục tăng. Tuy vậy, trong thời gian đại dịch xảy ra đã có những đứt gãy trong chuỗi cung ứng liên quan đến xuất, nhập khẩu. Việc xuất khẩu tiêu ngạch qua biên giới đã bị ứ ứ nhiều đợt, chủ yếu liên quan đến thủ tục kiểm dịch COVID-19.

Đại dịch đã tác động tới kinh tế vĩ mô thông qua ngành nông nghiệp. CPI bình quân năm 2020 tăng một phần là do tăng giá lương thực, thực phẩm. Năm 2021, giá gạo tăng làm CPI chung tăng 0,15%. Đứt gãy tạm thời trong các chuỗi cung ứng gây giảm giá của người sản xuất nhưng tăng giá đối với người tiêu dùng. Tuy vậy, tổng thể dao động về giá cả nông sản không gây ra lạm phát quá mức, ảnh hưởng đến đời sống của người tiêu dùng.

Trong hai năm qua, Ngân sách nhà nước đã phải tăng chi cho các hoạt động phòng chống dịch COVID-19 và cứu trợ xã hội, nên ngân sách đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn bị hạn chế. Ngành nông nghiệp duy trì và tiếp tục mở rộng xuất khẩu hàng hóa đã góp phần tích cực vào việc duy trì cán cân thương mại của cả nước.

Nhìn chung, đại dịch COVID-19 không phải là dịch bệnh thuộc lĩnh vực nông nghiệp nhưng đã tác động mạnh đến ngành nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên nhiều phương diện tương tự như một cú sốc. Tuy vậy, nông nghiệp phát triển tương đối ổn định đã góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, đời sống của người dân và chính trị - xã hội.

3. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP TỪ KINH NGHIỆM PHÒNG CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

Mục đích:

Mục đích chính của việc nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp là tạo cơ sở ổn định sản xuất và đời sống của nông dân cũng như hoạt động của các ngành kinh tế có liên quan, đời sống của người tiêu dùng lương thực, góp phần ổn định xã hội trước tác động của các loại rủi ro và căng thẳng bất lợi có thể xảy ra.

Các yêu cầu chính đối với việc nâng cao khả năng chống chịu:

- *Đối với sản xuất nông nghiệp:* duy trì tăng trưởng ổn định của ngành nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực, thực phẩm, đảm bảo nguồn cung cấp liên tục ra thị trường, nhất là khi có các cú sốc đe dọa giảm sản lượng nông nghiệp;

- *Đối với người sản xuất:* đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định hoặc tiếp tục gia tăng; hạn chế tổn thất về sản lượng và giá trị; hạn chế việc phải tăng chi phí sản xuất;

- *Đối với chuỗi cung ứng:* đảm bảo chuỗi cung ứng không bị đứt gãy, liên tục cung cấp đủ về số lượng, chủng loại với giá ổn định tới người tiêu dùng. Tiêu thụ kịp thời nông sản do nông dân làm ra với giá cả tương đối ổn định;

- *Đối với kinh tế vĩ mô:* giảm thiểu tác động tiêu cực tới các cân đối vĩ mô; ổn định chính trị, xã hội.

Các giải pháp chính:

a. Nâng cao năng lực phòng ngừa

Trong 20 năm qua, đã có nhiều đợt dịch bệnh trên người xảy ra trên quy mô lớn (SARS, Cúm gia cầm H5N1, Cúm lợn, Ebola, MERS). Trong những năm tới có thể sẽ bùng phát những đợt dịch mới khác. Tác động của mỗi loại dịch bệnh có thể khác nhau, nhưng để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh thì có nhiều điểm giống nhau. Trước khi nghiên cứu và chế tạo được vắc-xin, biện pháp bắt buộc là phải cách ly, phong tỏa các cá

nhân và vùng có dịch bệnh lưu hành. Ngành nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với ngành y tế để tổ chức giám sát, phòng ngừa sự lây lan của dịch bệnh từ động vật sang người. Cần tăng cường năng lực của hệ thống Thú y; tiếp tục triển khai “Chương trình Một sức khỏe” để tạo điều kiện phối hợp hiệu quả giữa các chuyên ngành.

b. Nâng cao năng lực dự phòng

Kinh nghiệm của hai năm phòng chống đại dịch COVID-19 cho thấy tầm quan trọng của ngành nông nghiệp với vai trò là trụ đỡ cho nền kinh tế. Nhà nước cần tiếp tục có chủ trương chính sách duy trì sự phát triển ổn định, bền vững của nông nghiệp, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực; ổn định chuỗi cung ứng; tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn.

c. Nâng cao năng lực hấp thu

Trong khi đại dịch xảy ra, vấn đề chính đặt ra là khắc phục tình trạng đứt gãy các chuỗi cung ứng vật tư, nông sản, lương thực, thực phẩm, bảo vệ việc làm và thu nhập của người lao động. Biện pháp chính chuẩn bị cho tình huống trên là phát triển đa dạng cơ sở hạ tầng, logistics; đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản; nâng cao năng lực dự trữ lương thực tại các vùng miền và dự trữ tài chính; hoàn thiện chính sách an sinh xã hội; phát triển các loại hình bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm trong nông nghiệp.

d. Nâng cao năng lực thích ứng

Trong thời gian đại dịch, các ngành hàng sản xuất các mặt hàng tiêu dùng tươi sống như thủy sản, rau, hoa, quả đã bị ảnh hưởng nhiều nhất. Do nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm, ách tắc trong lưu thông giữa các vùng miền và xuất khẩu nên giảm giá và cả sản lượng. Để đối phó với các tình huống tương tự trong tương lai cần chú trọng nâng cao năng lực chế biến, bảo quản, nhất là đối với rau, hoa, quả; chọn tạo và đưa vào sử dụng các giống có khả năng bảo quản dài hạn hơn.

e. Nâng cao năng lực chuyển đổi

Vấn đề cấp thiết là phải đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu nông sản và vật tư nông nghiệp; chuyển mạnh từ xuất nhập khẩu tiểu ngạch sang chính ngạch.

f. Các giải pháp khác

(1) Nâng cao năng lực cấp hộ, doanh nghiệp, cộng đồng

Trước hết cần tuyên truyền để các hộ, doanh nghiệp nhận thức đúng về các mối nguy, rủi ro và có biện pháp phòng tránh, ứng phó phù hợp. Phát triển hệ thống bảo hiểm giúp các hộ, doanh nghiệp giảm bớt tác hại của rủi ro. Phát triển hệ thống an sinh xã hội, cứu trợ kịp thời khi cần thiết.

(2) Nâng cao năng lực của các chuỗi cung ứng

Phát triển hệ thống giao thông đa tuyến đồng thời với phát triển các chuỗi cung ứng đa dạng, linh hoạt trước sự thay đổi của nhu cầu, nhất là đối với hàng hóa xuất nhập khẩu; tăng năng lực dự trữ, bảo quản trong nước; phát triển liên kết theo chuỗi giá trị trong ngành nông nghiệp.

(3) Nâng cao năng lực của hệ thống nông lương quốc gia

Các giải pháp chính gồm: điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi có tính đến rủi ro thiên tai, dịch bệnh và thị trường theo hướng né tránh thiên tai, đề phòng dịch bệnh, đa dạng thị trường; xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống dịch vụ công chuyên nghiệp kết hợp phát huy sự tham gia của tư nhân; xây dựng hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách minh bạch; xây dựng bộ máy quản lý nhà nước thống nhất, phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng; chuẩn bị đủ dự trữ lương thực, vật tư thiết yếu và dự phòng tài chính; nâng cao năng lực truyền thông và chuyển đổi số trong quản lý phát triển; nâng cao năng lực của hệ thống nghiên cứu, khuyến nông các cấp để tư vấn, đào tạo, chuyển giao tới nông dân các kiến thức và kỹ năng nhận thức và quản lý rủi ro trong nông nghiệp.

(4) Nâng cao năng lực truyền thông và chuyển đổi số trong quản lý phát triển

Phát triển các hệ thống truyền thông đa kênh phù hợp với từng vấn đề và từng nhóm đối tượng để tiếp cận và truyền tải thông tin một cách nhanh nhất, chính xác nhất để người sản xuất, doanh nghiệp và cộng đồng nắm được thông tin về thị trường, các rủi ro và cú sốc một cách chính thống. Đẩy mạnh chuyển đổi số để tăng cường năng lực quản lý và nâng cao hiệu quả phát triển ngành nông nghiệp - nông thôn.

4. KIẾN NGHỊ

Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng trước tác động của các cú sốc và căng thẳng bất lợi là yêu cầu thực tế, khách quan có ý nghĩa thiết thực giúp các quốc gia, cộng đồng và người dân giảm thiểu thiệt hại, ổn định sản xuất, đời sống, ổn định chính trị, xã hội.

Việt Nam là nước thường xuyên có nhiều cú sốc và căng thẳng bất lợi. Biến đổi khí hậu làm gia tăng tần suất và cường độ của thiên tai. Để chủ động đối phó với các vấn đề nêu trên Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần có chủ trương, kế hoạch, chính sách và bố trí nguồn lực tương xứng để triển khai thực hiện có hiệu quả.

Đại dịch COVID-19 đã tác động sâu rộng tới tất cả các mặt đời sống xã hội ở nước ta và trên khắp thế giới, trong đó có ngành nông nghiệp. Để đối phó với các tình huống tương tự trong tương lai, đối với quốc gia cần tiếp tục chú trọng phát triển nền nông nghiệp vững mạnh; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

Để nâng cao khả năng chống chịu của ngành nông nghiệp cần có chính sách hỗ trợ nâng cao nhanh năng lực bảo quản nông sản, nhất là các phương tiện bảo quản hàng tươi sống, bảo quản lạnh; tiếp tục nâng cao năng lực chế biến trong nước; phát triển đa dạng các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho nông dân; hoàn thiện chính sách an sinh xã hội; phát triển bảo hiểm nông nghiệp; đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu nông sản và vật tư nông nghiệp; nhanh chóng chuyển buôn bán tiểu ngạch sang hình thức chính ngạch; phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ logistics phục vụ kinh doanh nông sản trong và ngoài nước.



Nghiên cứu khoa học và phát triển các sản phẩm khoa học công nghệ giúp nông nghiệp thích ứng với các cú sốc và căng thẳng - Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lê Minh Hoan đến thăm gian trưng bày các sản phẩm khoa học của Học viện Nông nghiệp Việt Nam

(Nguồn: Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

LỜI MỞ ĐẦU

Để hỗ trợ thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực toàn cầu, góp phần thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG), tháng 9 năm 2021, Hội nghị thượng đỉnh về các hệ thống lương thực² (FSS) do Liên hợp quốc tổ chức đã đề ra 5 phương hướng hành động tiếp theo³, theo đó phương hướng thứ năm là: *“Xây dựng khả năng chống chịu trước sự dễ bị tổn thương, các cú sốc và căng thẳng, đảm bảo sự hoạt động liên tục của các hệ thống lương thực lành mạnh và bền vững”* (Liên hiệp quốc, 2021).

Để hưởng ứng lời kêu gọi của Hội nghị thượng đỉnh, Tổ chức Nông Lương của Liên hợp quốc (FAO) đã xây dựng báo cáo chuyên đề *“Tình hình lương thực và nông nghiệp năm 2021 - làm cho các hệ thống nông lương có khả năng chống chịu cao hơn trước các cú sốc và căng thẳng”*. Báo cáo trên đưa ra các gợi ý, hướng dẫn thực hiện trên phạm vi toàn cầu.

Tại Việt Nam, nông nghiệp là ngành dễ bị tổn thương trước tác động của nhiều yếu tố bất lợi. Bên cạnh các hiện tượng như thiên tai, dịch bệnh, biến động bất thường của thị trường thế giới, từ năm 2020 đến nay đại dịch COVID-19 đã tác động mạnh đến mọi mặt đời sống xã hội, trong đó có nông nghiệp và nông thôn. Đã có nhiều giải pháp quyết liệt được thực hiện nhằm phòng chống dịch bệnh, duy trì sản xuất và ổn định đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, đại dịch một lần nữa cho thấy cần có sự nhìn nhận thấu đáo và toàn diện hơn làm cơ sở đề xuất và thực hiện các chủ trương, giải pháp căn cơ hơn, nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp, góp phần nâng cao khả năng chống chịu chung của nền kinh tế và ổn định xã hội.

Học viện Nông nghiệp Việt Nam với trách nhiệm là một trong các tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, chủ trương xây dựng báo cáo thường niên về nông nghiệp và phát triển nông thôn nhằm cung cấp luận cứ khoa học để đánh giá về các vấn đề nổi bật trong lĩnh vực và đề xuất các chủ trương, giải pháp liên quan. Báo cáo này được xây dựng trên cơ sở tập hợp các kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học thuộc Học viện cũng như tham khảo các nghiên cứu trong và ngoài nước có liên quan.

Báo cáo không nhằm đánh giá toàn diện về tình hình nông nghiệp, nông thôn hàng năm như báo cáo của các cơ quan quản lý nhà nước mà mỗi năm chỉ tập trung vào một chuyên đề được dư luận xã hội quan tâm rộng rãi. Báo cáo năm 2021 tập trung vào chủ

² Website: <https://www.un.org/en/food-systems-summit>

³ Chi tiết 5 phương hướng hành động tại đây: <https://www.un.org/en/food-systems-summit/action-tracks>

đề nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp. Đây là vấn đề chưa được nghiên cứu sâu và toàn diện trong nước và do vậy, Nhà nước cũng chưa có chủ trương chính sách toàn diện để chỉ đạo thực hiện. Trong đó, báo cáo năm 2021 đi sâu phân tích, rút kinh nghiệm từ việc ứng phó với các tác động của đại dịch COVID-19. Báo cáo cũng nhằm hưởng ứng lời kêu gọi của Hội nghị thượng đỉnh về các hệ thống lương thực do Liên hợp quốc tổ chức và hướng dẫn của Tổ chức Nông lương của Liên hợp quốc.

PHẦN I.

SỰ CẦN THIẾT NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP TRƯỚC CÁC CÚ SỐC VÀ CĂNG THẲNG BẤT LỢI

1.1. Khái niệm và sự cần thiết nâng cao khả năng chống chịu của nông nghiệp

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Nông nghiệp đảm bảo cung cấp lương thực, thực phẩm không chỉ đủ về số lượng mà còn ngon và bổ dưỡng. Nông nghiệp tạo việc làm và thu nhập cho hàng chục triệu lao động không chỉ trực tiếp trên đồng ruộng, chuồng trại mà còn ở nhiều ngành chế biến, kinh doanh nông sản và phục vụ sản xuất nông nghiệp, góp phần giảm nghèo. Một nền nông nghiệp mạnh là cơ sở quan trọng để bảo vệ và kiến tạo môi trường sống trong lành của quốc gia. Nông nghiệp phát triển là cơ sở quan trọng góp phần ổn định xã hội, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. Do vậy, hầu hết các nước đều chú trọng nông nghiệp và hướng tới phát triển bền vững.

Tuy nhiên, nông nghiệp luôn phải đối phó với nhiều yếu tố tác động tiêu cực làm triệt tiêu các nỗ lực thúc đẩy phát triển, gây mất ổn định trong sản xuất và đời sống xã hội. Do nông nghiệp liên quan đến đời sống của mọi người dân và nhiều ngành kinh tế, bất ổn trong nông nghiệp có thể gây phản ứng lan truyền trên diện rộng. Do vậy, bên cạnh các nỗ lực thúc đẩy phát triển phải chú trọng đúng mức tới việc đối phó, hạn chế tác động tiêu cực của các rủi ro có thể xảy ra.

Các loại rủi ro có thể gồm rủi ro liên quan tới những bất thường ngắn hạn gây ra các cú sốc, như thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường nông sản và vật tư nông nghiệp, chiến tranh... Có cả các rủi ro dài hạn, diễn tiến liên tục, dần dần làm xói mòn tính ổn định, làm cho nền nông nghiệp trở nên dễ bị tổn thương hơn, như biến đổi khí hậu, suy thoái môi trường, đô thị hóa thiếu kiểm soát, biến đổi về cơ cấu dân cư... Trong số các rủi ro nêu trên có loại có thể dự báo trước, nhưng cũng có những rủi ro gần như không thể dự báo trước khi nào xảy ra và quy mô tác động, như đại dịch COVID-19 hiện nay. Quy mô tác động của các rủi ro có thể gồm các cá nhân, hộ, cộng đồng, các tổ chức, các hệ thống, thậm chí cả xã hội của một hoặc nhiều quốc gia, toàn thế giới.

Quy mô và mức độ tác động của các rủi ro có thể rất khác nhau tùy thuộc không chỉ vào bản chất của rủi ro mà cả vào khả năng phòng chống của các đối tượng liên quan. Khả năng này phải được quan tâm xây dựng một cách bài bản. Năm 2020, Liên hợp quốc đã ban hành bản Hướng dẫn hỗ trợ xây dựng các xã hội có khả năng chống chịu (UN Common Guidance on Helping Build Resilient Societies)⁴. Theo đó: “Khả năng chống

⁴ Chi tiết tại: <https://unsdg.un.org/sites/default/files/2021-09/UN-Resilience-Guidance-Final-Sept.pdf>

chịu được định nghĩa là khả năng của các cá nhân, gia đình, cộng đồng, thành phố, các hệ thống và xã hội ngăn ngừa, chống lại, hấp thụ, thích ứng và phục hồi tích cực, hiệu suất và hiệu quả khi đối diện với các loại rủi ro, đồng thời duy trì hoạt động ở mức có thể chấp nhận được mà không phải thỏa hiệp các dự định dài hạn hướng tới phát triển bền vững, hòa bình và an ninh, đảm bảo nhân quyền và phúc lợi cho mọi người” (Liên hợp quốc, 2020).

Như vậy, xây dựng khả năng chống chịu là một phần của nỗ lực phát triển bền vững.

Khả năng chống chịu thể hiện ở 5 loại năng lực:

(1) Năng lực phòng ngừa (Preventive capacity): là khả năng thực hiện các giải pháp giảm thiểu việc xuất hiện của các rủi ro tác động đến đối tượng quan tâm;

(2) Năng lực dự phòng (Anticipative capacity): là khả năng thực hiện các giải pháp phòng ngừa sớm để giảm thiểu tác động tiêu cực khi rủi ro xảy ra, như cảnh báo, các hoạt động chuẩn bị sớm...;

(3) Năng lực hấp thụ (Absorptive capacity): là khả năng chống lại, vượt qua, duy trì và phục hồi các cơ cấu và hoạt động cơ bản khi các rủi ro xảy ra;

(4) Năng lực thích ứng (Adaptive capacity): là khả năng điều chỉnh để duy trì các chức năng cốt lõi mà không phải thay đổi lớn về cấu trúc và tính năng của các thực thể;

(5) Năng lực chuyển đổi (Transformative capacity): là khả năng tạo ra những hệ thống mới khi các hệ thống cũ không thể tiếp tục vận hành.

Ở nước ta, vấn đề xây dựng năng lực chống chịu cho nền kinh tế và xã hội đã được quan tâm. Nhà nước đã ban hành và chỉ đạo thực thi Luật Phòng chống thiên tai (2013), Luật phòng chống Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm (2007); Pháp lệnh tình trạng khẩn cấp (2000), Luật Thú y (2015), Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật (2013)... Các văn bản pháp luật này đã áp dụng cách tiếp cận hiện đại, lấy phòng ngừa là chính, chú trọng đúng mức tới công tác ứng phó và khắc phục hậu quả khi thiên tai, dịch bệnh xảy ra. Việc phổ biến và thực hiện các văn bản này đã giúp nâng cao nhận thức trong xã hội, khơi dậy tinh thần chủ động, sáng tạo của các cấp, các ngành, người dân và doanh nghiệp, từng bước xây dựng năng lực chủ động của các hệ thống phòng chống thiên tai, dịch bệnh, hạn chế thiệt hại khi có thiên tai, dịch bệnh xảy ra.

Tuy vậy, việc xây dựng khả năng chống chịu của xã hội nói chung, nền nông nghiệp nói riêng chưa được đặt ra đúng mức, chưa toàn diện, việc thực hiện còn thiếu đồng bộ, nặng về đối phó khi rủi ro xảy ra, sự chủ động chưa cao.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu, gia tăng giao thương quốc tế, công nghiệp hóa, đô thị hóa trong nước, khả năng xuất hiện các rủi ro thiên tai, dịch bệnh có xu hướng tăng về tần suất và cường độ, đồng thời xuất hiện nhiều loại rủi ro khác khó lường. Để đảm bảo sự ổn định nhất định trong phát triển nông nghiệp và kinh tế - xã hội của đất nước nói chung, đã đến lúc phải xem xét một cách toàn diện và bài bản việc xây dựng năng lực

chống chịu. Đại dịch COVID-19 đã một lần nữa cho thấy sự cấp bách của công việc này. Đây là một trong những cú sốc tác động đến ngành nông nghiệp. Kinh nghiệm ứng phó với đại dịch này trong những năm qua cần được tổng kết để đưa ra phương hướng và giải pháp cho tương lai.

1.2. Tác động của các cú sốc và căng thẳng đến các nhóm đối tượng trong hệ thống nông lương

a. Tác động đối với sản xuất nông nghiệp

Các cú sốc đều tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến sản xuất nông nghiệp thông qua thay đổi sản lượng, hiệu quả kinh tế. Thiên tai (bão, lũ, hạn hán, rét đậm, xâm nhập mặn bất thường...), dịch bệnh trên cây trồng vật nuôi dẫn đến giảm sản lượng. Xâm nhập mặn năm 2015-2016 làm giảm sản lượng lúa Việt Nam khoảng 1 triệu tấn. Dịch tả lợn châu Phi năm 2018-2019 làm giảm khoảng 30% đàn lợn của cả nước. Khi có thiên tai, dịch bệnh, nông dân, doanh nghiệp trực tiếp sản xuất còn phải tăng chi phí để phòng chống. Trong bối cảnh tác động kép của dịch tả lợn châu Phi và đại dịch COVID-19, một nhóm nghiên cứu của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã có những đánh giá về tổn thất và khảo sát điều kiện môi trường tại các điểm tiêu hủy xác lợn (Võ Hữu Công và cộng sự, 2021). Bên cạnh đó, một nhóm nghiên cứu khác của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã đánh giá những ảnh hưởng của đại dịch đến hệ thống nông sản thực phẩm và mối quan hệ khư các bon trong hệ thống sinh thái nông nghiệp (xem Adelodun và cộng sự, 2021).

Khi thị trường có biến động bất thường, tác động đối với sản xuất nông nghiệp có thể khác nhau. Khi có biến động làm tăng giá nông sản (do chiến tranh, tranh chấp thương mại, thiên tai, dịch bệnh... gây thiếu hụt hoặc gián đoạn nguồn cung), người sản xuất sẽ có xu hướng gia tăng sản xuất để tranh thủ cơ hội thị trường, tăng thu nhập. Ngược lại, khi giá cả nông sản giảm mạnh, người sản xuất sẽ phải nhanh chóng giảm sản xuất để cắt lỗ.

Tác động của các cú sốc thị trường liên quan tới phân bón và vật tư nông nghiệp thiết yếu thường ngược chiều với tác động của giá nông sản. Giá các đầu vào sản xuất tăng sẽ làm tăng chi phí sản xuất và thường dẫn đến giảm cung nông sản trên thị trường. Trong điều kiện thị trường không dư cung và thông tin tương đối minh bạch⁵ giữa hai bên mua - bán, giá đầu vào giảm sẽ có xu hướng kích thích sản xuất vì chi phí sản xuất giảm.

Các căng thẳng hay rủi ro dài hạn như biến đổi khí hậu, đô thị hóa thiếu kiểm soát lấy đi nguồn lực của nông nghiệp... thường làm cho tác động của các cú sốc ngắn hạn

⁵ Về bản chất kinh tế, sự rõ ràng về thông tin giữa các chủ thể tham gia vào giao dịch làm giảm tính bất đối xứng thông tin và hướng đến thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Tuy nhiên, trong thực tế, đa số thị trường là không hoàn hảo với thông tin bất đối xứng.

thêm nặng nề và khó khắc phục. Phần lớn các dự báo đều cho thấy biến đổi khí hậu có tác động tiêu cực tới sản lượng nông nghiệp.

b. Tác động đến người sản xuất

Phần lớn các cú sốc đều ảnh hưởng tiêu cực đến người sản xuất nông nghiệp do phải tăng chi phí để phòng chống, sản lượng bị giảm, hoặc cả hai. Thu nhập của người sản xuất bị giảm. Biến đổi khí hậu, khai thác quá mức nguồn tài nguyên và ô nhiễm môi trường có thể làm trầm trọng thêm những áp lực hiện tại và ảnh hưởng đến sinh kế của đa số người dân sống ở khu vực nông thôn, miền núi và ven biển (Đỗ Thị Diệp và Nguyễn Văn Song⁶, 2016; 2019).

Trường hợp giá nông sản tăng, giá vật tư giảm, phần lớn lợi ích trước hết rơi vào tay người phân phối. Người sản xuất chỉ được hưởng một phần tùy thuộc nhiều vào mức độ thông thoáng và cạnh tranh trên thị trường.

c. Tác động đến chuỗi cung ứng

Các cú sốc đều dẫn đến xáo trộn trong chuỗi cung ứng (Heady và Fan, 2010; IPSARD, IFAD và ADB, 2020). Thiên tai (bão, lũ) thường gây ách tắc lưu thông, nhất là tới các vùng sâu, vùng xa, nơi giao thông kém phát triển. Khi có dịch bệnh xảy ra thường phải áp dụng các biện pháp kiểm soát để ngăn ngừa sự lây lan của dịch bệnh nên cũng gây ra ách tắc trong lưu thông hàng hóa nông sản, cả trong nước và với nước ngoài.

Nguồn cung và giá cả thay đổi gây khó khăn cho các nhà chế biến, kinh doanh bán buôn, bán lẻ và cả các nhà hàng ăn uống.

Các quốc gia phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu lương thực, thực phẩm có nguy cơ gián đoạn nguồn cung trong nước (Heady và Fan, 2010). Sự gián đoạn trong nhập khẩu vật tư, nguyên liệu sẽ làm tăng chi phí của nhà sản xuất nông sản và giảm lợi nhuận của họ.

d. Tác động đến người tiêu dùng

Tiêu dùng của các hộ sản xuất nhỏ, nhất là ở vùng nông thôn và vùng sâu, vùng xa, thường dựa vào tự cung tự cấp. Do đó, việc giảm sản lượng lương thực thu hoạch được ảnh hưởng trực tiếp đến mức tiêu dùng của họ.

Đối với các hộ tiêu dùng lương thực thuần (mua để dùng), khi có các cú sốc, họ bị ảnh hưởng từ nhiều phía. Đối với các hộ ở vùng xa, khi giao thông bị gián đoạn có thể không có nguồn cung. Ngay ở các vùng giao thông thuận lợi, giá cả lương thực lên cao buộc họ phải cân nhắc khi mua, giảm lượng tiêu thụ hoặc thay đổi loại hàng hóa theo

⁶ Nhóm tác giả Học viện Nông nghiệp Việt Nam

hướng giảm chất lượng để thay cho số lượng, giảm chi phí. Những hộ nghèo và cận nghèo có nguy cơ thiếu lương thực, dinh dưỡng. FAO & cs. (2021) ước tính hiện trên toàn thế giới đang có khoảng 3 tỷ người không có điều kiện để có được khẩu phần ăn đủ dinh dưỡng⁷. Trong khi các hộ thu nhập thấp thường phải dành phần lớn thu nhập để mua lương thực, thực phẩm, các cú sốc làm giảm thu nhập của họ khoảng 1/3 thì sẽ có thêm khoảng 1 tỷ người có nguy cơ rơi vào nhóm này. Nói cách khác khi thu nhập của các hộ thu nhập thấp không tăng mà giá lương thực, thực phẩm tăng lên 30%. Tình trạng sẽ tồi tệ hơn rất nhiều khi họ gặp cả hai tình huống xấu nêu trên.

e. Tác động vĩ mô

Giá cả lương thực tăng thường tác động mạnh đến chỉ số lạm phát do các loại hàng hóa này thường chiếm tỷ trọng khá lớn trong rổ hàng hóa tiêu dùng. Nhà nước thường phải bỏ ra lượng ngân sách lớn để phòng chống, khắc phục rủi ro, cứu trợ cho những người bị ảnh hưởng. Trong điều kiện ngân sách hạn hẹp, điều này sẽ ảnh hưởng đến đầu tư phát triển. Các quốc gia phụ thuộc vào nhập khẩu sẽ phải tăng chi ngoại tệ để nhập khẩu lương thực.

Trong một số trường hợp, các cú sốc gây tác động nặng nề, trên diện rộng có thể dẫn đến những bất ổn xã hội, chính trị. Giá cả lương thực và năng lượng tăng trong khủng hoảng lương thực năm 2007-2008 đã dẫn đến bất ổn xã hội, chính trị nghiêm trọng ở nhiều nước (Headey và Fan, 2010). Các cuộc nổi loạn và biểu tình đe dọa sự tồn tại của chính phủ cũng như ổn định xã hội xảy ra ở nhiều nơi thuộc Châu Phi, Châu Á, Trung Đông, Châu Mỹ La Tinh và vùng Caribê. Khi đó, đã ghi nhận các cuộc biểu tình lớn phản đối mạnh mẽ về việc tăng giá lương thực xảy ra ở nhiều quốc gia (Headey và Fan, 2010)⁸.

Tóm lại:

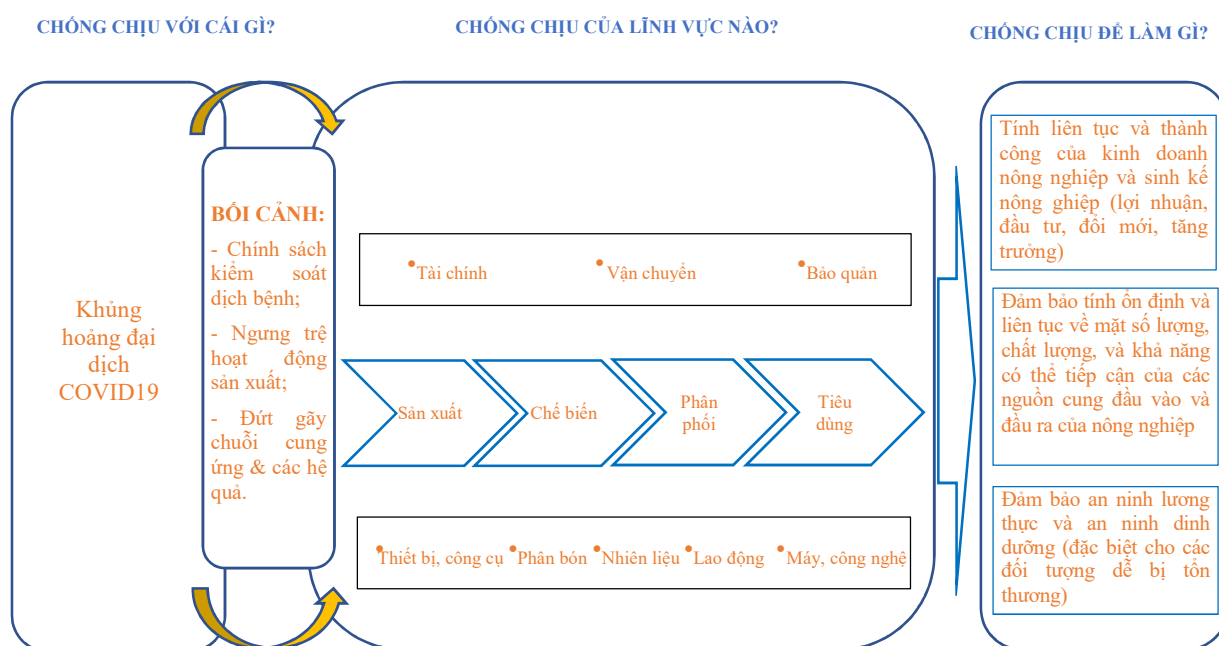
Nông nghiệp nước ta đã và đang đối mặt với hầu hết các tác động kể trên. Chúng đến từ các loại rủi ro, cú sốc và căng thẳng như: biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh chóng (nước ta được dự báo là một trong những nước chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu); dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi xảy ra thường xuyên; dịch bệnh trên người và những biến động về kinh tế đã và sẽ dẫn đến những tác động bất lợi cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Rõ ràng, Việt Nam cần có chủ trương, giải pháp toàn diện, đồng bộ để giảm thiểu tác động tiêu cực của các nguy cơ và căng thẳng có thể xảy ra.

⁷ Chi tiết tại báo cáo tại: FAO, IFAD, UNICEF, WFP và WHO (2021). The State of Food Security and Nutrition in the World 2021. Transforming food systems for food security, improved nutrition and affordable healthy diets for all. Rome, FAO. Link: <https://doi.org/10.4060/cb4474en>

⁸ Headey, D và Fan, S. (2010) Reflections on the Global Food Crisis. How Did It Happen? How Has It Hurt? And How Can We Prevent the Next One? International Food Policy Research Institute. Research Monograph 165. Link: <http://www.ifpri.org/sites/default/files/publications/rr165.pdf>

1.3. Khung phân tích khả năng chống chịu của nền nông nghiệp Việt Nam

Đặt trong bối cảnh nông nghiệp Việt Nam trước khủng hoảng đại dịch COVID-19, báo cáo này sử dụng khung phân tích khả năng chống chịu một cách tích hợp (Hình 1). Khung phân tích này được phát triển dựa trên ý tưởng của FAO (2021) kết hợp với các tiếp cận chuỗi giá trị trong nông nghiệp (Kaplinsky & Morris, 2011; Minarelli & cs., 2020) và phân tích tình huống trong đó đại dịch COVID-19 là một trường hợp điển hình. Điều này có nghĩa là khung phân tích được đề xuất ở đây có thể linh hoạt vận dụng và mở rộng cho các tình huống khác khi thay thế bối cảnh đại dịch COVID-19.



Hình 1. Khung phân tích khả năng chống chịu của nền nông nghiệp Việt Nam trong đại dịch COVID-19

(Nguồn: Kết hợp FAO (2021); Kaplinsky và Morris (2011); Minarelli & cs. (2020))

Khung phân tích tập trung trả lời ba câu hỏi về sức chống chịu của một lĩnh vực cụ thể đối với một cú sốc hoặc/và áp lực cụ thể nào đó, bao gồm “chống chịu với cái gì?”, “chống chịu của lĩnh vực nào?” và “chống chịu để làm gì?”. Với mục tiêu của báo cáo này hướng tới phân tích sức chống chịu của nông nghiệp Việt Nam với đại dịch COVID-19 trong năm 2020-2021, các câu hỏi này được diễn giải khái quát như sau:

- Chống chịu với cái gì?

Đó là sức chống chịu đối với khủng hoảng đại dịch COVID-19 trong những năm 2020-2021. Trong đó, khủng hoảng đại dịch COVID-19 trong báo cáo này được mô tả thông qua các thống kê và dữ liệu về diễn biến tình hình dịch bệnh này cả ở trong và ngoài nước, các bối cảnh mà đại dịch tạo ra hoặc góp phần tạo ra và các tác động mà đại dịch đã tạo ra cho sản xuất kinh doanh và tiêu dùng sản phẩm nông nghiệp.

- Chống chịu của lĩnh vực nào?

Là sức chống chịu của ngành nông nghiệp, trong đó tập trung vào các chuỗi giá trị trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản. Cụ thể, báo cáo sẽ cố gắng tổng kết được các cách thức chủ đạo mà nhờ vào đó các chuỗi giá trị nông nghiệp có thể tồn tại, phục hồi và tiếp tục phát triển trong bối cảnh diễn biến của đại dịch. Khả năng chống chịu cũng được xem xét ở cấp độ của người sản xuất, chuỗi cung ứng, người tiêu dùng lương thực, thực phẩm, hệ thống nông lương của quốc gia. Theo đó, báo cáo sẽ mô tả các cách thức bố trí sản xuất, chế biến, phân phối, tiêu dùng các sản phẩm nông nghiệp và quá trình tổ chức để duy trì các yếu tố đầu vào và hỗ trợ cho các tiến trình vừa được đề cập.

- Chống chịu để làm gì?

Sức chống chịu của nông nghiệp được phân tích để trả lời câu hỏi hoạt động của chuỗi giá trị đã được tổ chức thế nào trong bối cảnh đại dịch để có thể đảm bảo được các chức năng chính của chuỗi là đảm bảo tính liên tục (tồn tại) của sản xuất kinh doanh và sinh kế nông nghiệp; đảm bảo sự ổn định và liên tục về mặt số lượng, chất lượng và khả năng có thể tiếp cận các nguồn cung đầu vào và đầu ra của nông nghiệp; đảm bảo an ninh lương thực và an ninh dinh dưỡng trong xã hội, đặc biệt là đối với những đối tượng dễ bị tổn thương, góp phần ổn định kinh tế - xã hội.



Tập huấn nông dân tại địa phương trong Dự án Thâm canh bò thịt vùng Tây Bắc của Học viện Nông nghiệp Việt Nam - Triển khai dự án trong điều kiện đại dịch COVID-19

(Nguồn: Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

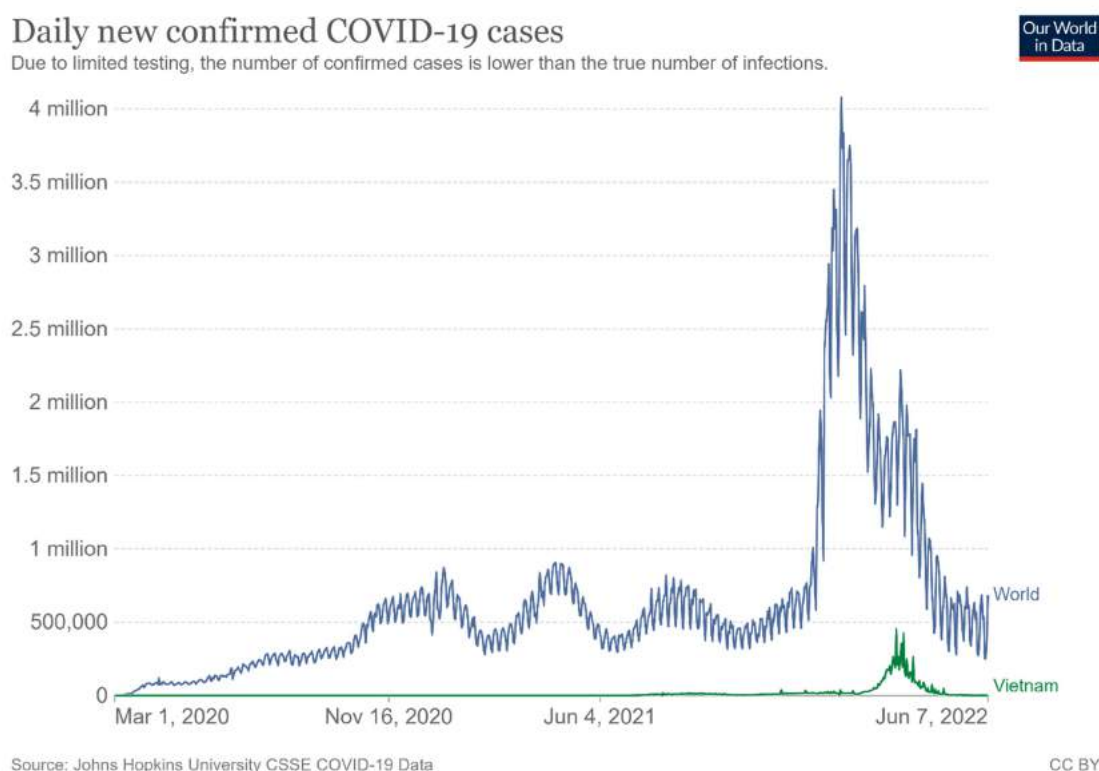
Như vậy, theo khung phân tích được đề cập, báo cáo sẽ bao gồm những nội dung chính là bối cảnh và tác động của đại dịch COVID-19 đến nông nghiệp, sự chống chịu của nông nghiệp với đại dịch, những phương hướng và giải pháp nhằm nâng cao khả năng chống chịu của nông nghiệp trước những cú sốc tương tự như đại dịch trong tương lai.

PHẦN II.

TÁC ĐỘNG CỦA ĐẠI DỊCH COVID-19 ĐẾN NÔNG NGHIỆP VÀ ỨNG PHÓ CỦA VIỆT NAM

2.1. Diễn biến đại dịch trên thế giới và Việt Nam

Tháng 12 năm 2019, lần đầu tiên dịch COVID-19 được phát hiện, sau đó được ghi nhận trên khắp thế giới. Đại dịch này đã gây ra cú sốc dẫn đến suy thoái kinh tế trên phạm vi toàn cầu. Để phòng chống đại dịch, hầu hết các nước đã áp dụng hạn chế đi lại. Việc giao thương giữa các nước đã bị ảnh hưởng tiêu cực. Chi phí vận tải tăng cao. Cơ cấu hàng hóa xuất nhập khẩu cũng có sự thay đổi. Nhu cầu nông sản thực phẩm đã qua chế biến, dễ vận chuyển, có thể bảo quản dài hạn có xu hướng tăng. Đến nay đại dịch có xu hướng giảm, các nước từng bước mở cửa trở lại, giao thương dần được phục hồi.



Biểu đồ 1. Diễn biến số ca nhiễm COVID-19 hàng ngày toàn cầu và Việt Nam từ tháng 3/2020 đến tháng 6/2022 (ĐVT: triệu ca)

(Nguồn: *Our World in Data* (2022))

Ở Việt Nam, ngày 23/1/2020 xuất hiện ca mắc COVID-19 đầu tiên. Ngày 1/2/2020 Thủ tướng Chính phủ công bố dịch tại Việt Nam và ra quyết định “...thắt chặt biên giới,

thu hồi giấy phép hàng không và hạn chế thị thực”. Ngày 22/3/2020, Việt Nam dừng nhập cảnh đối với tất cả người nước ngoài, đồng thời cách ly tập trung 14 ngày đối với mọi trường hợp nhập cảnh. Ngày 27/3/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị 15/CT-TTg về quyết liệt thực hiện đợt cao điểm phòng chống dịch COVID-19.

Trong năm 2020 và 9 tháng đầu năm 2021, Việt Nam theo đuổi chính sách “Zero COVID”, đã thực hiện một số đợt phong tỏa trên phạm vi cả nước và một số địa phương. Từ 0h ngày 1/4/2020 thực hiện giãn cách toàn xã hội trong vòng 15 ngày. Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện giãn cách xã hội từ 31/5/2021...

Từ ngày 11/10/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết 128/NQ-CP nhằm “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19”. Thực hiện chủ trương này, việc giao thương, đi lại giữa các địa phương được nới lỏng.

2.2. Tác động của đại dịch COVID-19 đến sản xuất nông nghiệp

Trong 2 năm 2020-2021, do tác động của đại dịch, tăng trưởng của GDP toàn quốc đã giảm mạnh, trong khi đó ngành nông nghiệp duy trì tăng trưởng khá ổn định ở mức gần tương đương (tương ứng là 2,58% và 2,9%) so với trung bình 10 năm 2011-2021 là 2,92%. Trước đó, ngành nông nghiệp đã bị tác động mạnh của hạn hán và xâm nhập mặn năm 2015-2016; dịch tả lợn châu Phi năm 2019. Năm 2020-2021, không có thiên tai lớn, dịch tả lợn châu Phi cơ bản được kiểm soát. Trong khi chăn nuôi đã phục hồi khá mạnh, lĩnh vực trồng trọt tiếp tục tăng trưởng, sự suy giảm tăng trưởng của lĩnh vực thủy sản đã là tác nhân chính làm hạn chế tăng trưởng của ngành nông nghiệp nói chung (Bảng 1, 2, 3).

Bảng 1. Tóm tắt đánh giá tác động đại dịch COVID-19 đối với ngành nông nghiệp hết tháng 6/2020

TT	Ngành	Tỷ trọng GDP (2019)	Chỉ tiêu chịu tác động	6T/2020 so với cùng kỳ 2019 (%)	Giá cổ phiếu so với đầu năm (%)	Số DN tạm ngừng KD	Mức độ tác động
I	Nông nghiệp và phụ trợ	13,96%	GDP	1,19%		+ 23,9%	
1	Nông, lâm nghiệp, thủy sản	13,96%	Kim ngạch xuất khẩu	-4,3	7 (giá CP thủy sản)		Vừa phải
2	Phụ trợ nông nghiệp	(Thuộc CN chế biến, chế tạo)			18,7 (giá CP ngành hóa phẩm, nông dược)		
	- Phân bón (Ure, NPK)		Sản lượng	4,7			Ít
	- Thức ăn chăn nuôi		Sản lượng	-11			Vừa phải

(Nguồn: Đánh giá và tính toán của Viện Đào tạo và Nghiên cứu BIDV)

Bảng 2. GDP và giá trị tăng thêm ngành nông lâm thủy sản giai đoạn 2011-2021
(theo quy mô GDP điều chỉnh; giá so sánh 2010)

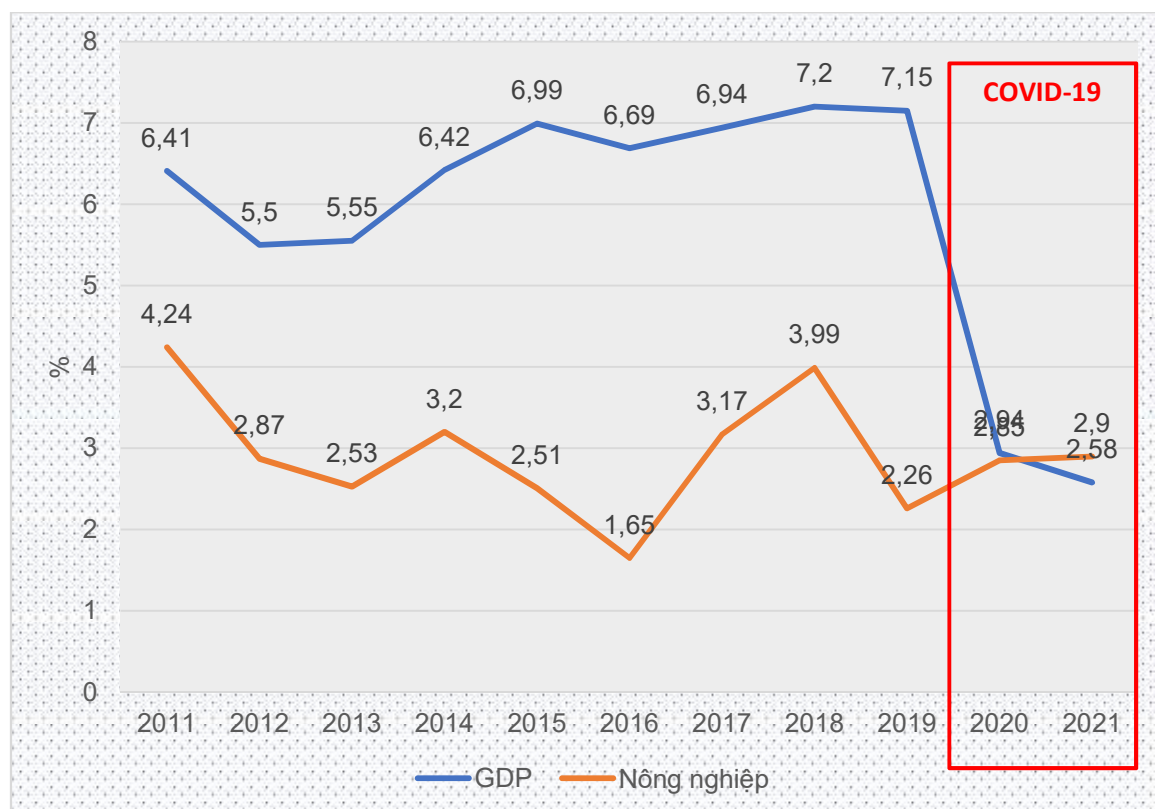
Năm	GDP cả nước	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	Chia ra		
			Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản
GDP (tỷ đồng)					
2011	2.915.554	439. 124	341.284	16.422	81.418
2012	3.076. 042	451. 733	350.391	16.883	84.459
2013	3.246.870	463.168	357.941	17.727	87.500
2014	3.455.392	478.005	366.893	18.656	92.457
2015	3.696.826	489.989	374.635	20.140	95.214
2016	3.944.144	498.092	378.996	20.911	98.185
2017	4.217.875	513.874	387.308	22.445	104.121
2018	4.521.444	534.397	400.206	23.345	110.847
2019	4.844.733	546.493	404.248	24.570	117.675
2020	4.987.354	562.074	415.464	24.915	121.695
2021 (Ước tính)	5.116.028	578.374	428.676	25.882	123.800
Tăng trưởng hàng năm (%)					
2011	6,41	4,23	4,13	5,98	4,35
2012	5,50	2, 87	2,67	2,81	3,74
2013	5,55	2,53	2,15	5,00	3,60
2014	6,42	3,20	2,50	5,24	5,66
2015	6,99	2,51	2,11	7,96	2,98
2016	6,69	1,65	1,16	3,83	3,12
2017	6,94	3,17	2,19	7,33	6,05
2018	7,20	3,99	3,33	4,01	6,46
2019	7,15	2,26	1,01	5,25	6,16
2020	2,94	285	2,77	1,40	3,42
2021 (Ước tính)	2,58	2,9	3,18	3,88	1,73

(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

Bảng 3. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành nông nghiệp giai đoạn 2011-2021
(Đơn vị: %)

Năm	Chung	Cây hàng năm	Cây lâu năm	Chăn nuôi	Thủy sản	Lâm nghiệp	Dịch vụ
2011	5,73	5,39	7,70	5,00	6,19	6,06	4,96
2012	4,12	3,11	3,85	6,13	4,55	1,45	4,86
2013	3,29	1,86	5,35	4,41	5,00	4,37	3,31
2014	4,20	2,78	5,38	6,24	5,75	3,26	2,07
2015	3,17	1,20	4,76	5,67	4,35	6,54	1,79
2016	1,99	-1,42	2,82	7,27	3,63	5,61	0,94
2017	2,65	1,76	5,28	1,85	7,47	7,52	4,45
2018	4,47	3,02	6,49	5,49	6,89	4,05	1,43
2019	1,94	1,26	7,12	-1,35	6,56	5,85	2,62
2020	3,33	0,06	5,62	6,84	4,22	1,62	2,06
2021 (Ước tính)	3,58	2,08	5,61	4,20	1,87	4,55	2,79

(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Tổng cục Thống kê)



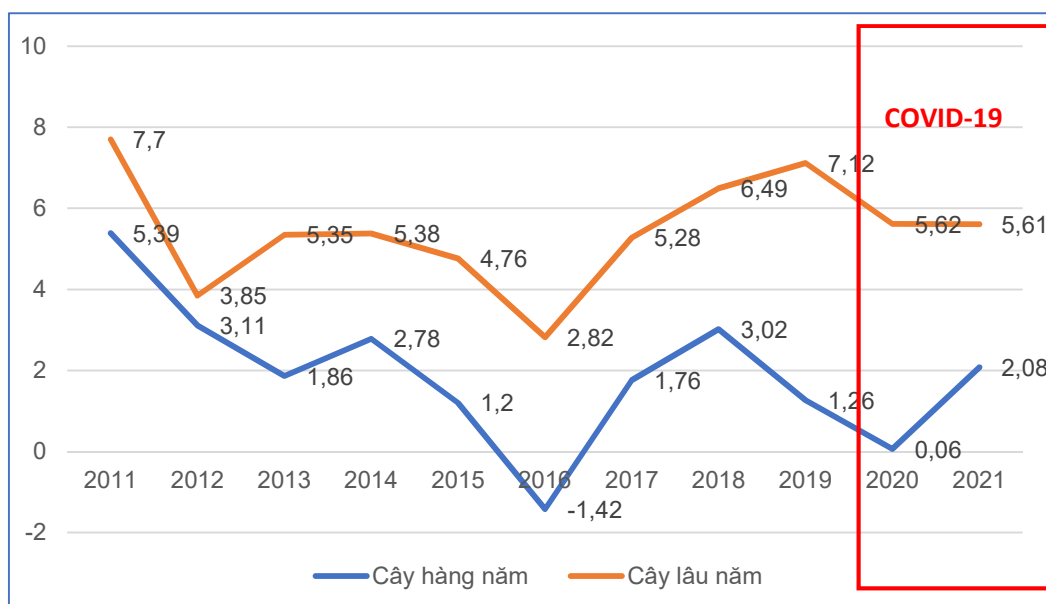
Biểu đồ 2. Tăng trưởng GDP toàn quốc và ngành nông nghiệp (ĐVT: %)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021)

Lĩnh vực sản xuất sản phẩm hỗ trợ nông nghiệp có diễn biến trái chiều. Sản lượng sản xuất phân bón có mức tăng 4,7%, cải thiện hơn so với mức giảm 0,03% của quý I nhờ nhu cầu phân bón gia tăng trong vụ hè thu. Sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi giảm 11% (quý I giảm 18%) do chuỗi cung ứng bị đứt gãy (Bảng 3).

a. Lĩnh vực trồng trọt

Trong hai năm 2020-2021, lĩnh vực trồng trọt tiếp tục thực hiện tốt chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, chủ yếu chuyển sang trồng rau, quả, cây công nghiệp lâu năm, nuôi trồng thủy sản có hiệu quả kinh tế cao hơn. Đồng thời, đã tăng cường sử dụng giống chất lượng cao và đẩy mạnh áp dụng quy trình sản xuất VietGAP hoặc tương đương. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021), năm 2021 sản lượng lúa đạt 43,86 triệu tấn, chỉ tăng 2,57%, nhưng do tỷ lệ sử dụng giống lúa chất lượng cao lên trên 77% nên gạo chất lượng cao chiếm trên 89% tổng lượng gạo xuất khẩu, góp phần nâng giá gạo xuất khẩu bình quân từ 496 USD/tấn năm 2020 lên trên 503 USD/tấn năm 2021. Trong khi đó, diện tích rau, đậu đạt 1,12 triệu ha, trong đó rau 983,3 nghìn hecta, tăng 7,6 nghìn hecta. Sản lượng rau, đậu 18,6 triệu tấn, tăng 325,5 nghìn tấn; trong đó rau trên 18,4 triệu tấn, tăng 1,7% và đậu 168 nghìn tấn, tăng 4,1%. Diện tích cây ăn quả đạt 1,18 triệu ha, tăng 44,8 nghìn hecta. Sản lượng và chất lượng hầu hết các cây ăn quả chủ lực, có lợi thế của cả nước và từng vùng đều tăng, như: Xoài 940 nghìn tấn, tăng 5,1%; thanh long gần 1,4 triệu tấn, tăng 0,8%; bưởi 992 nghìn tấn, tăng 6,4%; vải 374 nghìn tấn, tăng 18,5%; sầu riêng 664 nghìn tấn, tăng 12,9%; dứa trên 733 nghìn tấn, tăng gần 3%.



Biểu đồ 3. Tăng trưởng giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt (ĐVT: %)

(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Sản lượng của hầu hết các loại cây công nghiệp lâu năm đều tăng. Cà phê: diện tích 694 nghìn hecta, giảm 1,6 nghìn hecta; sản lượng cà phê nhân 1,83 triệu tấn, tăng 61 nghìn tấn (+3,46%) so với năm 2020. Cao su: diện tích 925 nghìn hecta, giảm 7,4 nghìn hecta; sản lượng mủ khô trên 1,26 triệu tấn, tăng khoảng 31 nghìn tấn (+2,5%). Chè: Diện tích 121,5 nghìn hecta, tăng 0,2 nghìn hecta; sản lượng búp trên 1,09 triệu tấn, tăng 20,4 nghìn tấn (+1,9%). Hồ tiêu: diện tích 130 nghìn hecta, giảm 1,8 nghìn hecta; sản lượng khoảng 282 nghìn tấn, tăng gần 11,9 nghìn tấn (+4,4%). Điều: diện tích 305 nghìn hecta, tăng 2,6 nghìn hecta; sản lượng điều thô đạt 367,2 nghìn tấn, tăng 18,7 nghìn tấn (+5,4%).

Một số loại cây lương thực, thực phẩm có hiệu quả và khả năng cạnh tranh thấp tiếp tục xu hướng giảm cả về diện tích và sản lượng, như: Ngô: diện tích 902,3 nghìn hecta, giảm 4,24%; sản lượng 4,43 triệu tấn, giảm 2,8%; Lạc: diện tích 160 nghìn hecta, giảm 5,7%; sản lượng 416 nghìn tấn, giảm 2,2%. Đậu tương: diện tích 36 nghìn hecta, giảm 13,4%; sản lượng 57,6 nghìn tấn, giảm 11,9%.

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nơi sản xuất lúa gạo chủ lực của quốc gia đứng trước đồng thời ba thách thức lớn là đại dịch, giá phân bón tăng, điều kiện bất thuận (hạn hán và xâm nhập mặn) trong sản xuất. Diện tích và sản lượng lúa, gạo vụ đông xuân 2021-2022 tại các địa phương trong vùng đều được điều chỉnh giảm, phần vì phải buộc thực hiện giãn cách xã hội bởi đại dịch, phần vì lũ rút chậm kéo theo việc xuống giống chậm. Tuy vậy, toàn vùng đạt kết quả khả quan do các tỉnh, thành sớm dự báo nguy cơ và triển khai sản xuất phù hợp.

Một số địa phương khác gặp khó khăn tương tự. Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hoạt động sản xuất nhìn chung tương đối ổn định, nhưng giá phân bón tăng cao làm tăng chi phí sản xuất; có một số diện tích chuyên trồng rau nông dân tạm dừng sản xuất do làm ra không tiêu thụ được, một số trang trại trồng rau thiếu lao động do thực hiện giãn cách xã hội (không thể áp dụng 3 tại chỗ). Khó khăn ở khâu tiêu thụ các sản phẩm đến vụ thu hoạch dẫn đến giá một số loại nông sản giảm, đặc biệt là rau, quả.

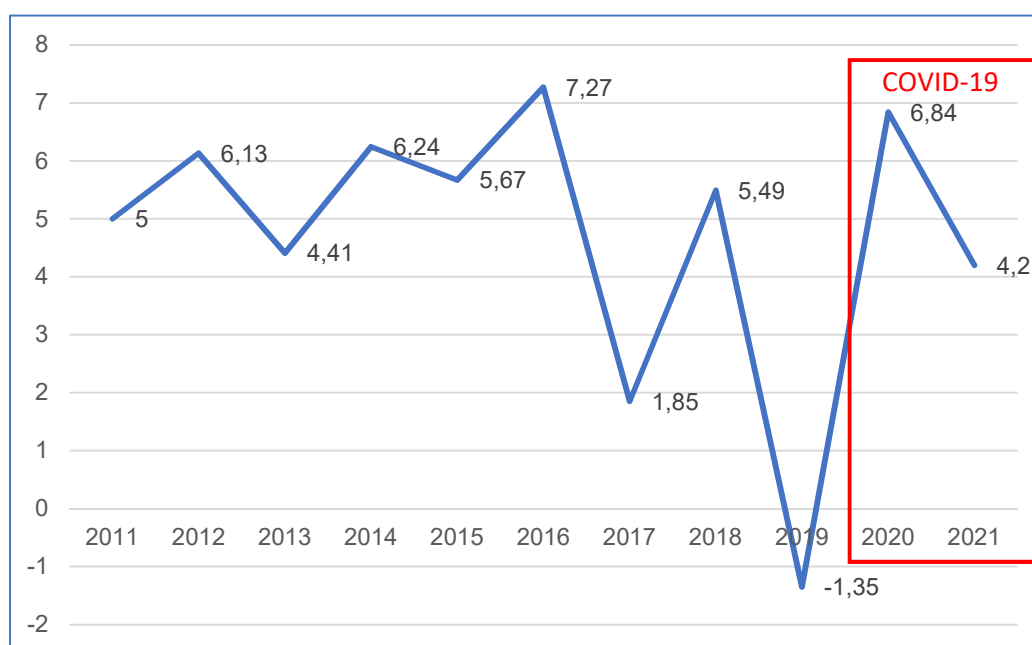
Việc tăng giá vật tư đầu vào tại Việt Nam có nguyên nhân từ sự tăng chung trên thị trường thế giới hậu đại dịch COVID-19 trong khi vật tư đầu vào của nông nghiệp nước ta lệ thuộc vào nguồn cung từ nước ngoài, tới 70-80%. Điều này cũng chỉ ra một thực tế rằng, tính tự chủ của nông nghiệp Việt Nam chưa cao (Lê Văn, 2021)⁹.

b. Lĩnh vực chăn nuôi

Trong lĩnh vực chăn nuôi, nhờ tích cực chỉ đạo triển khai công tác kiểm soát dịch bệnh, nhất là dịch tả lợn châu Phi (DTLCP), đàn gia súc, gia cầm được phục hồi và phát triển khá mạnh: Năm 2021, đàn lợn ước đạt khoảng 28,0 triệu con, tăng 7,1%; đàn gia

⁹ Xem thêm tại: <https://baotintuc.vn/thoi-su/covid19-buoc-nen-nong-nghiep-viet-nam-phai-chuyen-tu-mu-mo-sang-tu-chu-20211028210613576.htm>

cầm đạt khoảng 525 triệu con, tăng 5,8%; đàn bò khoảng 6,5 triệu con (riêng đàn bò sữa đạt 375,2 nghìn con, tăng 13,2%). Sản lượng thịt hơi các loại ước khoảng 6,69 triệu tấn, tăng 3,2%; sản lượng sữa tươi ước gần 1,2 triệu tấn, tăng 10,5%; sản lượng trứng trên 17,5 tỷ quả (tăng 5,1%); sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp quy đổi đạt gần 21,5 triệu tấn, tăng 5,9% so với năm 2020. Tuy vậy, việc giảm sức tiêu thụ trong thời gian phong tỏa, hạn chế trong khâu vận chuyển, giá nguyên liệu và thức ăn chăn nuôi lên cao đã kìm hãm nhất định đà phục hồi của lĩnh vực này (Biểu đồ 4). Khó khăn trong nhập khẩu nguyên liệu là nguyên nhân chủ yếu đẩy giá thức ăn chăn nuôi trong nước lên cao.



Biểu đồ 4. Tăng trưởng giá trị sản xuất lĩnh vực chăn nuôi (ĐVT: %)

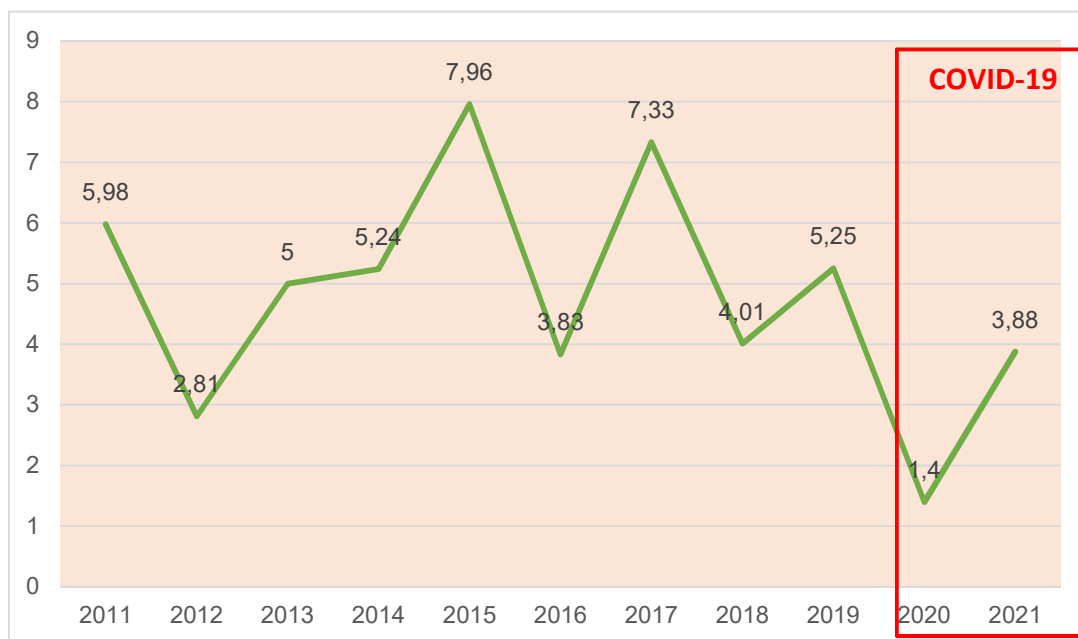
(Nguồn: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

c. Lĩnh vực lâm nghiệp

Công tác phát triển rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo thực hiện với trọng tâm là thực hiện Đề án “Trồng 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025”; diện tích rừng trồng tập trung năm ước đạt 278 nghìn hecta, tăng 2,7% so với năm 2020 và 120 triệu cây phân tán. Diện tích rừng trồng được chăm sóc là 486 nghìn hecta, diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh 150 nghìn hecta. Sản lượng gỗ khai thác từ rừng trồng đạt 32 triệu m³ (trong đó từ rừng trồng tập trung 18,1 triệu m³, tăng 5,4% so với năm 2020). Nhìn chung, tăng trưởng của lĩnh vực lâm nghiệp năm 2021 cao hơn năm 2020, nhưng thấp hơn trung bình các năm trước đó (Biểu đồ 5).

Trước tác động của dịch bệnh COVID-19, giá gỗ nguyên liệu giảm khiến người dân khai thác cảm chừng, nhiều doanh nghiệp và cơ sở chế biến gỗ gặp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, các mặt hàng gỗ và lâm sản xuất khẩu giảm mạnh. Bộ Nông nghiệp và

Phát triển nông thôn đã kịp thời triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong lĩnh vực lâm nghiệp; phối hợp với Hiệp hội gỗ và lâm sản bản giải pháp đảm bảo tốc độ tăng trưởng xuất khẩu.



Biểu đồ 5. Tăng trưởng ngành lâm nghiệp (ĐVT: %)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021)

d. Lĩnh vực thủy sản

Về thủy sản, bảng 4 cho thấy trong hai năm 2020-2021 sản lượng đánh bắt và nuôi trồng thủy sản tiếp tục tăng nhưng với tốc độ thấp hơn nhiều so với các năm trước đó.

Nguyên nhân chính hạn chế tăng trưởng của ngành thủy sản là do thị trường tiêu thụ bị gián đoạn, giá sản phẩm giảm trong khi giá thức ăn thủy sản lên cao vì cùng nguyên nhân như đối với thức ăn chăn nuôi.

Có thể nói rằng tác động của đại dịch COVID-19 trong năm 2021 tới ngành thủy sản là rõ ràng. Mặc dù tăng trưởng dương so với năm 2020 (1,73%) nhưng tốc độ tăng trưởng đã tiếp tục giảm sâu, tiếp nối đà giảm từ năm 2020 (Biểu đồ 6).

Các đợt dịch COVID-19 bùng phát lần ba (bắt đầu từ 28/1/2021 đến 26/4/2021) và lần thứ tư (từ ngày 27/4/2021 cho đến những những tháng đầu năm 2022) đã tạo ra những trở ngại không nhỏ cho ngành thủy sản. Từ khoảng nửa cuối tháng 7/2021 đến giữa tháng 8/2021, Chính phủ áp dụng đóng cửa theo Chỉ thị 16 trong phòng chống dịch COVID-19 ở hầu hết các tỉnh thành phía Nam, bao gồm cả thành phố Hồ Chí Minh và khu vực ĐBSCL, nơi diễn ra phần lớn các hoạt động của ngành thủy sản của Việt Nam. Sự kiện này đã dẫn đến sự sụt giảm trong các hoạt động khai thác và nuôi trồng ở các vựa

thủy sản lớn. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), tổng sản lượng thủy sản trong quý III/2021 đã sụt giảm 5,2%, trong đó thủy sản khai thác giảm 0,6%, thủy sản nuôi trồng giảm 8,8% so với cùng kỳ năm 2020. Chế biến thủy sản cũng chịu ảnh hưởng nặng nề. Theo SeafoodSource (2021), có ít nhất 103 nhà máy chế biến thủy sản ở phía Nam đã phải tạm thời đóng cửa và chỉ khoảng 82 nhà máy đáp ứng đủ điều kiện phòng chống dịch và tiếp tục duy trì hoạt động trong thời gian có dịch, với công suất chỉ đạt từ 30% đến 50% so với bình thường. Trong khoảng thời gian thực hiện Chỉ thị 16 ở các tỉnh phía Nam, chỉ có khoảng một phần năm số cơ sở chế biến cá tra/ba-sa đủ điều kiện tiếp tục hoạt động.

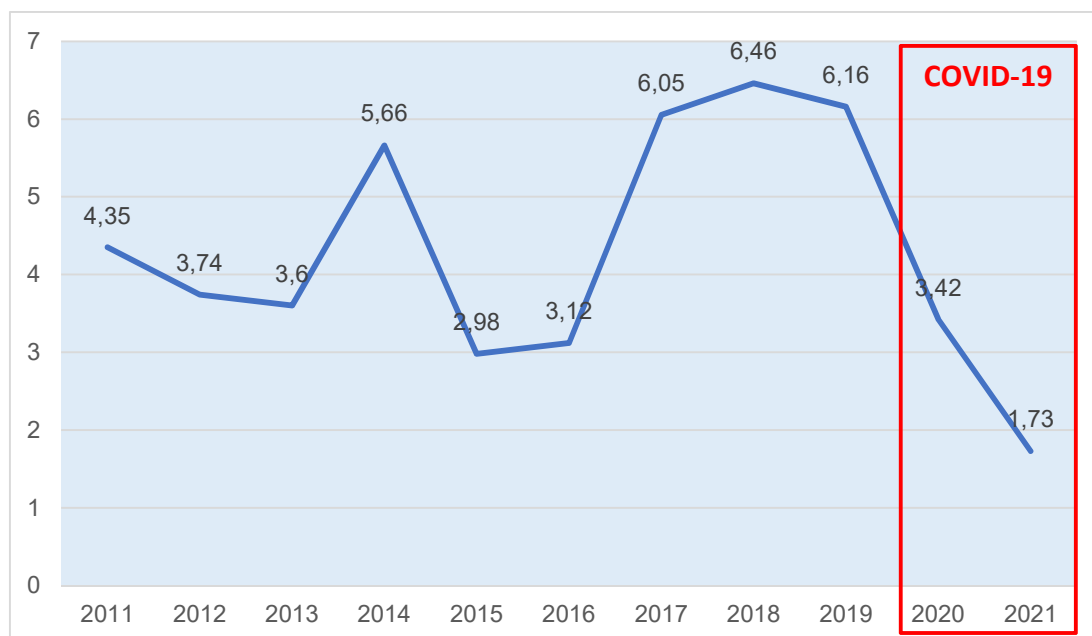
Bảng 4. Sản lượng thủy sản

Năm	Tổng số (nghìn tấn)	Khai thác(nghìn tấn)	Nuôi trồng (nghìn tấn)
2011	5.447,4	2.514,3	2.933,1
2012	5.820,7	2.705,4	3.115,3
2013	6.019,7	2.803,8	3.215,9
2014	6.333,2	2.920,4	3.412,8
2015	6.582,1	3.049,9	3.532,2
2016	6.870,7	3.226,1	3.644,6
2017	7.313,4	3.420,5	3.892,9
2018	7.769,1	3.606,3	4.162,8
2019	8.270,2	3.777,7	4.492,5
2020	8.497,2	3.863,7	4.633,5
2021	8.730	3.900	4.800

Chỉ số phát triển (%) (Năm trước = 100)

2011	105,9	104,1	107,5
2012	106,9	107,6	106,2
2013	103,4	103,6	103,2
2014	105,2	104,2	106,1
2015	103,9	104,4	103,5
2016	104,4	105,8	103,2
2017	106,4	106,0	106,8
2018	106,2	105,4	106,9
2019	106,4	104,8	107,9
2020	102,7	102,3	103,1
2021	101,0	100,9	101,1

(Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ NN&PTNT)



Biểu đồ 6. Tăng trưởng ngành thủy sản (ĐVT: %)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021)

Bảng 5. Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam theo tháng của năm 2020 và 2021
(ĐVT: triệu USD)

Tháng	2020	2021	2020 so với tháng trước (%)	2021 so với tháng trước (%)	Cùng kỳ 21/20 (%)
1	502	600	-	-	119,52
2	492	400	98,01	66,67	81,30
3	158	736	32,11	184,00	465,82
4	141	750	89,24	101,90	531,91
5	639	790	453,19	105,33	123,63
6	715	849	111,89	107,47	118,74
7	791	854	110,63	100,59	107,96
8	811	595	102,53	69,67	73,37
9	162	134	19,98	22,52	82,72
10	143	889	88,27	663,43	621,68
11	741	171	518,18	19,24	23,08
12	174	190	23,48	111,11	109,20

(Nguồn: Bộ Công thương)

Đại dịch COVID-19 trong năm 2021 cũng góp phần làm giảm tiêu dùng thủy sản ở một số thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam. Ước tính, nhu cầu tiêu dùng sản phẩm

thủy sản ở Trung Quốc trong năm 2021 đã giảm tới 53,1% trong khi sự giảm sút ở một số quốc gia châu Âu như Ba Lan, Ý và Tây Ban Nha lần lượt là 17%, 22% và 33% (Zhang và cộng sự, 2020). Theo VASEP (2022) xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc đại lục và Hồng Kông - Trung Quốc trong thời gian này đã giảm khoảng 17%, mức thấp nhất trong vòng 5 năm. Cũng theo các nghiên cứu này, chi phí vận chuyển thủy sản tới các thị trường xuất khẩu cũng đã tăng lên từ 4 đến 10 lần.

2.3. Tác động của đại dịch COVID-19 đến người sản xuất

a. Đối với nông dân

Khu vực nông nghiệp và nông thôn của Việt Nam đóng vai trò quan trọng trong việc tạo việc làm và thu nhập cho hơn hai phần ba dân số Việt Nam. Theo IPSARD, IFAD và ADB (2020), một nửa thành viên của hộ nông thôn có công việc chính là phi nông nghiệp, trong đó khoảng 35% số thành viên có công việc chính là làm công ăn lương và 15% thành viên tự kinh doanh. Bên cạnh các công việc chính, rất nhiều thành viên làm những việc phụ thêm khác để đảm bảo cuộc sống. Trong số các thành viên có việc làm chính là nông nghiệp, có 45% làm thêm phi nông nghiệp.

Đại dịch COVID-19 làm thị trường nông sản đình trệ, ảnh hưởng nhiều tới các hộ nông nghiệp, nhất là các hộ sản xuất hàng ít thiết yếu như hoa, quả, thủy sản. Tuy nhiên, giãn cách xã hội do đại dịch cũng ảnh hưởng tới các hộ có tham gia các hoạt động phi nông nghiệp bao gồm các hoạt động kinh doanh tại địa phương, người lao động đi làm tại các thành phố, làm công ăn lương tại các doanh nghiệp. Khủng hoảng kinh tế khiến tình trạng thất nghiệp tăng lên và điều kiện làm việc trở nên khó khăn hơn, dẫn đến dòng di cư “ngược trở lại nông thôn”, làm trầm trọng thêm tình hình thiếu việc làm ở khu vực nông thôn.

Theo kết quả khảo sát của Viện Chính sách và Chiến lược PTNNNT¹⁰, trong số 1300 hộ gia đình nông thôn được điều tra¹¹, khoảng 35% số hộ làm nông nghiệp cho biết hoạt động sản xuất nông nghiệp của họ bị ảnh hưởng bởi đại dịch. Trong khi giá một số vật tư đầu vào tăng lên, có 60% số người được hỏi cho biết giá bán nông sản của họ lại bị giảm trong 6 tháng đầu năm 2020.

Tỷ lệ hộ nông thôn có thành viên làm việc tại doanh nghiệp bị ảnh hưởng tiêu cực rất lớn, lên tới 74,5%. Với những hộ có cơ sở sản xuất kinh doanh, vấn đề lớn nhất là bị tạm dừng hoạt động hoặc đóng cửa (60,1%).

¹⁰ IPSARD, IFAD, ADB (2020). Báo cáo đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến nông dân sản xuất nhỏ và người dân nông thôn Việt Nam. Hà Nội, tháng 8 năm 2020.

¹¹ Cuộc khảo sát được thực hiện vào thời điểm tháng 5 – tháng 6/2020 ở 12 tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Hà Giang, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Bến Tre, Trà Vinh, Quảng Bình, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Đắk Nông

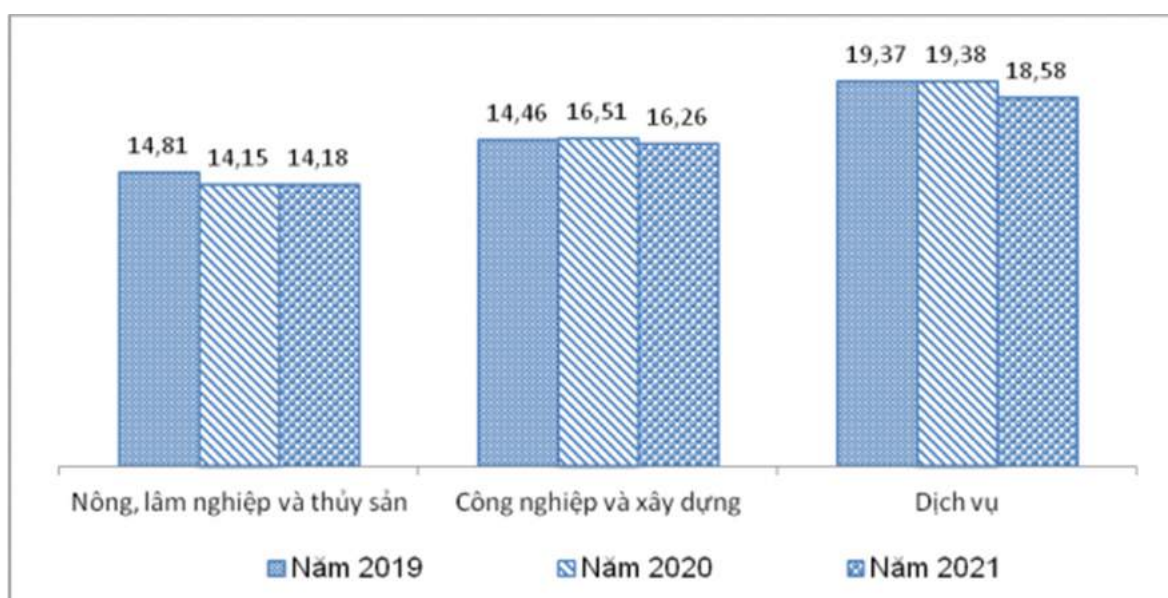
Đã có khoảng 56% hộ nông thôn bị giảm thu nhập trong thời gian đại dịch COVID-19 bùng phát từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2020 và trong giai đoạn sau đó do ảnh hưởng của các biện pháp nhằm kiểm soát dịch bệnh.

Trước hoàn cảnh khó khăn, phần lớn các hộ đều tự nỗ lực để vượt qua bằng cách: cắt giảm chi tiêu (95% số hộ), sử dụng tiền tiết kiệm, nhờ họ hàng, bạn bè giúp đỡ. Các hộ thuần nông nghèo hoặc cận nghèo, là nhóm dễ bị tổn thương nhất do khả năng ứng phó tự thân rất hạn chế (IPSARD, IFAD, ADB, 2020).

Cũng theo IPSARD, IFAD & ADB (2020), tại thời điểm điều tra tháng 6/2020, khảo sát cho thấy khả năng tiếp cận của hộ nông thôn với các hình thức hỗ trợ khác còn rất hạn chế. Chẳng hạn, hỗ trợ do bị mất thu nhập đối với các hộ nông thôn là rất cần thiết nhưng chỉ có trung bình 12,8% số hộ được khảo sát cho biết họ đã hoặc đang tiếp cận hình thức hỗ trợ này. Trong khi đó, tỷ lệ tiếp cận với các hình thức hỗ trợ khác rất thấp, dưới 5% được cung cấp nhu yếu phẩm miễn phí, khoảng 1% nhận được hỗ trợ hộ kinh doanh, hỗ trợ tín dụng, gia hạn trả nợ, bảo hiểm, gia hạn thuế. Tuy nhiên, bảo hiểm nông sản gần như không có.

Những khó khăn chính trong việc tiếp cận hỗ trợ chính sách là thời gian nhận hỗ trợ khá lâu, thủ tục để được hưởng các chính sách này phức tạp, hộ khó thỏa mãn các điều kiện để được hưởng lợi.

Theo Tổng cục Thống kê, tính chung năm 2020, số lao động trong độ tuổi thiếu việc làm là gần 1,2 triệu người, tăng 456,7 nghìn người so với năm 2019. Tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi là 2,51%, trong đó khu vực nông thôn là 2,93%.



Biểu đồ 7. Lao động có việc làm theo khu vực kinh tế 2019-2021 (ĐVT: Triệu người)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021)

Tính chung cả năm 2021, trước diễn biến phức tạp và kéo dài của đợt dịch COVID-19 lần thứ tư khiến tình hình lao động có việc làm gặp nhiều khó khăn hơn so với năm 2020. Số lao động có việc làm ở khu vực nông thôn 31,2 triệu người, giảm 1,5 triệu người. Tuy vậy, riêng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản 14,2 triệu người (chiếm 28,9%), tăng 37.300 người so với năm trước.

Diễn biến phức tạp, kéo dài của dịch COVID-19 đã tác động sâu sắc đến đời sống của người lao động, điều này thể hiện rõ khi mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2021 đã sụt giảm so với năm 2020. Tính cả năm 2021, thu nhập bình quân tháng của người lao động là 5,7 triệu đồng, giảm 32.000 đồng so với năm 2020. Thu nhập bình quân của lao động khu vực thành thị là 7 triệu đồng, cao hơn 1,4 lần mức thu nhập bình quân lao động khu vực nông thôn (5 triệu đồng). Đặc biệt, thu nhập bình quân/tháng của lao động nam trong năm 2021 là 6,6 triệu đồng, cao hơn 1,4 lần của lao động nữ (4,7 triệu đồng). Tình trạng giảm thu nhập của nữ giới do COVID-19 diễn ra nghiêm trọng hơn so với của nam giới, nguy cơ bất bình đẳng giới trong thu nhập bình quân có dấu hiệu gia tăng.

Xét theo ngành kinh tế, so với năm 2020, lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2021 duy trì được mức độ tăng trưởng dương ổn định và là khu vực duy nhất có thu nhập bình quân tăng. Mức thu nhập bình quân tháng năm 2021 của khu vực này là 3,6 triệu đồng, tăng 7,1% (tương ứng tăng 236.000 đồng).

b. Đối với doanh nghiệp

Theo kết quả điều tra của VCCI kết hợp với WB năm 2020 cho thấy đại dịch đã ảnh hưởng tới 84% doanh nghiệp tư nhân, 95% doanh nghiệp FDI ngành nông nghiệp thủy sản dẫn đến hơn một nửa số doanh nghiệp bị giảm thu nhập, 36% doanh nghiệp tư nhân, 18% doanh nghiệp FDI phải cho một bộ phận công nhân nghỉ việc¹².

Tính chung năm 2020, cả nước có 134,9 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là hơn 2.235,6 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 1.043 nghìn lao động, giảm 2,3% về số doanh nghiệp, tăng 29,2% về vốn đăng ký và giảm 16,9% về số lao động so với năm 2019. Cũng trong năm 2020 có 101,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với năm trước (VCCI-World Bank Group, 2021).

Năm 2021, sự bùng phát mạnh của làn sóng COVID-19 lần thứ tư cùng với các đợt phong tỏa nghiêm ngặt, giãn cách kéo dài (đặc biệt là quý III/2021) đã tác động tiêu cực đến gia tăng số lượng doanh nghiệp. Tổng số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong năm 2021 đạt gần 160 nghìn doanh nghiệp, giảm 10,7% so với năm 2020; 119,8 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 17,8%, trong đó phần lớn là các

¹² VCCI-World Bank Group. Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam, một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020.

doanh nghiệp thành lập dưới 5 năm, quy mô vốn nhỏ. Việc ban hành và triển khai kịp thời Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 đã góp phần quan trọng trong khôi phục sản xuất và thúc đẩy thị trường, từng bước tạo niềm tin cho các doanh nghiệp. Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý I/2022 với 81,7% doanh nghiệp đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý IV/2021.

Riêng trong lĩnh vực nông nghiệp, năm 2021, số doanh nghiệp được thành lập mới và trở lại hoạt động là 1.640 doanh nghiệp, nâng tổng số lên trên 14.400 doanh nghiệp nông nghiệp. Bên cạnh sự đầu tư, phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa, một số tập đoàn, doanh nghiệp lớn tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào nông nghiệp, nhất là nông nghiệp ứng dụng CNC, như: Nafoods, TH, Dabaco Việt Nam, Masan, Lavifood, Công ty Thực phẩm xuất khẩu Đồng Giao, Thương mại và Đầu tư Biển Đông.

2.4. Tác động của đại dịch COVID-19 đến chuỗi cung ứng nông sản, thực phẩm

Trong đại dịch, do có nguồn cung dồi dào nên nước ta luôn đảm bảo cung cấp đủ, đáp ứng kịp thời nhu cầu lương thực, thực phẩm của người dân. Trong một số trường hợp, trước khi phong tỏa, đã có tình trạng mua gom, tích trữ lương thực, thực phẩm. Tình trạng này chỉ xảy ra trong thời gian ngắn khi dịch mới xuất hiện ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên nhân chính là do nhận thức của một bộ phận người tiêu dùng gây tăng cầu đột biến, không phải do thiếu nguồn cung. Trong khâu vận chuyển, có một số khó khăn liên quan đến thủ tục kiểm dịch, dừng kinh doanh một số chợ đầu mối... nhưng nhờ Chính phủ và các địa phương tích cực, chủ động tháo gỡ, tạo “luồng xanh” cho nông sản nên nhìn chung chuỗi cung ứng trong nước được duy trì.



Xe chở hàng hóa bị ùn ứ ở cửa khẩu Việt - Trung tại Lạng Sơn

(Nguồn: Báo Bắc Giang, 2021)

Dù tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp năm 2020-2021 liên tục tăng, trong thời gian đại dịch xảy ra đã có những đứt gãy trong chuỗi cung ứng liên quan đến xuất nhập khẩu. Việc xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới với Trung Quốc bị nhiều lần ứ ứ, chủ yếu liên quan đến thủ tục kiểm dịch COVID-19. Đối với xuất nhập khẩu chính ngạch, khó khăn chính là chi phí vận tải tăng cao do đường hàng không bị gián đoạn, đường biển thiếu container, thời gian và chi phí bốc dỡ tăng cao... Giao dịch và thực hiện các hợp đồng xuất nhập khẩu chính ngạch diễn ra liên tục. Tuy vậy, trong một số trường hợp, nhập khẩu nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi, vật tư nông nghiệp thực hiện chậm, gây thiếu hụt tạm thời nguồn cung trong nước.

Năm 2020, tổng kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản đạt 42,34 tỷ USD, tăng 2,5%, thặng dư thương mại 10,4 tỷ USD, tăng 6,5% so với năm 2019. Trong khi kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ, gạo, sản tăng mạnh (tương ứng là: 16,1%; 11,0%; 4,3%) thì kim ngạch xuất khẩu thủy sản giảm 1,2%; rau quả giảm 11,7%; hạt điều giảm 3,7%; hồ tiêu giảm 7,6%; và cà phê giảm 4,3%. Hơn thế, giá thức ăn chăn nuôi lên cao cũng làm suy giảm thêm thu nhập của người chăn nuôi.

Năm 2021, đại dịch đã ảnh hưởng đến hoạt động xuất nhập khẩu như: (i) Giảm đơn hàng của một số doanh nghiệp xuất khẩu; (ii) Thiếu hụt lao động; (iii) Ảnh hưởng về dịch vụ hậu cần thương mại (logistics); (iv) Các thị trường quốc tế xảy ra tình trạng thiếu nguồn hàng cung ứng; (v) Thiếu container rỗng, ứ đọng cục bộ vận tải do đường hàng không, đường thủy bị thu hẹp, thiếu hụt lao động... Tuy nhiên, toàn ngành đã thực hiện quyết liệt chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ trong việc thực hiện “*mục tiêu kép*”; chủ động nghiên cứu, dự báo, tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTAs) để thúc đẩy xuất khẩu. Nhờ đó, xuất khẩu nông-lâm-thủy sản đạt kết quả cao kỷ lục 48,6 tỷ USD, tăng 14,9% so với năm 2020; trong đó nông sản chính 21,49 tỷ USD, tăng 13,5%; lâm sản chính 15,96 tỷ USD, tăng 20,7%; thủy sản trên 8,89 tỷ USD, tăng 5,6%; chăn nuôi 434 triệu USD, tăng 2,1%. Tiếp tục có 10 nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 1,0 tỷ USD (thêm 1 mặt hàng là Thức ăn gia súc và nguyên liệu), trong đó có 06 mặt hàng có kim ngạch trên 03 tỷ USD (gỗ và sản phẩm gỗ đạt trên 14,81 tỷ USD; tôm trên 3,85 tỷ USD; rau quả trên 3,52 tỷ USD; hạt điều 3,66 tỷ USD; gạo trên 3,27 tỷ USD; cao su trên 3,31 tỷ USD). Thặng dư thương mại toàn ngành 6,44 tỷ USD, giảm 40,8% so với năm 2020¹³.

Trong lĩnh vực kinh tế tập thể và HTX, nhiều nghiên cứu đã chỉ ra do đại dịch COVID-19 thị trường xuất khẩu truyền thống của một số sản phẩm mà các HTX đang cung cấp bị hạn chế, như trái cây, nguyên liệu dược liệu, hoa, nguyên liệu và đồ gỗ xuất

¹³ Thặng dư TM: Năm 2015 đạt 8,17 tỷ USD; năm 2016 đạt 8,84 tỷ USD, tăng 8,2%; năm 2017 đạt 9,96 tỷ USD, tăng 12,66%; năm 2018 đạt 8,46 tỷ USD, giảm 15,06% ; năm 2019 đạt 9,27 tỷ USD, tăng 9,57%; năm 2020 đạt 10,89 tỷ USD, tăng 17,4%.

khẩu đi Trung Quốc, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ và các nước châu Âu (Luu Ngọc Lương, Nguyễn Hữu Nhuận¹⁴ và Nguyễn Tuấn, 2020).

Vấn đề đáng lưu ý là Việt Nam phụ thuộc nhiều vào một số ít thị trường xuất nhập khẩu đối với một số loại nông sản và vật tư nông nghiệp. Năm 2021, thị trường Trung Quốc tiêu thụ 93,6% sản phẩm từ sắn, 69,7% cao su thiên nhiên, 53,7% rau quả, 40,2% chè xuất khẩu của nước ta; Hoa Kỳ tiêu thụ 59,2% sản phẩm gỗ, 28,9% hồ tiêu, 23,1% thủy sản. Thị trường Hoa Kỳ chiếm 27,0%, Trung Quốc - 19,4% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

Nước ta nhập khẩu nhiều loại vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản để chế biến, xuất khẩu. Hàng năm Việt Nam nhập khẩu số lượng lớn nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi: năm 2020, nhập khẩu 12,2 triệu tấn ngô, chủ yếu từ Argentina, Brasil và Ấn Độ; năm 2021 nhập khẩu 10 triệu tấn. Đáng chú ý là, giá nhập khẩu trung bình năm 2021 là 287,4 USD/tấn, tăng 45,3% so với năm 2020, trong đó, ngô từ Argentina chiếm 59%.

Có thể thấy rằng, dưới tác động của đại dịch, chuỗi cung ứng ngành nông nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, nhất là khâu phân phối. Những tồn tại lâu năm của ngành bộc lộ rõ hơn, nhất là hệ thống logistics kém phát triển, kênh phân phối chính là xuất khẩu tiểu ngạch qua biên giới và chợ truyền thống, năng lực hạn chế trong áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế và truy xuất nguồn gốc, năng lực hạn chế trong nghiên cứu và phát triển (R&D) để tham gia các hoạt động mang giá trị cao hơn trong chuỗi cung ứng cũng như thay thế hàng hóa nhập khẩu và năng lực hạn chế trong xây dựng thương hiệu (Thúy Quyên, 2021)¹⁵. Những điểm nghẽn này tạo ra những thách thức cho doanh nghiệp trong việc tạo dòng chảy hàng hóa đến người tiêu dùng cả trong và ngoài nước (Nguyễn Việt Long, 2022)¹⁶. Tuy nhiên, cũng cần nhìn nhận khách quan nguyên nhân của sự đứt gãy chuỗi cung ứng nông sản một phần là do sự không nhất quán giữa các địa phương trong công tác chỉ đạo phòng chống dịch (đưa ra các quy định phòng chống dịch không thống nhất) khiến hàng hóa bị ùn ứ cục bộ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, giá cả nông sản khó được kiểm soát (Lê Văn, 2021)¹⁷.

2.5. Tác động của đại dịch COVID-19 tới kinh tế vĩ mô thông qua ngành nông nghiệp

a. Tác động đến chỉ số giá tiêu dùng

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm 2020 tăng 3,23% so với năm trước, đạt mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2020 dưới 4%

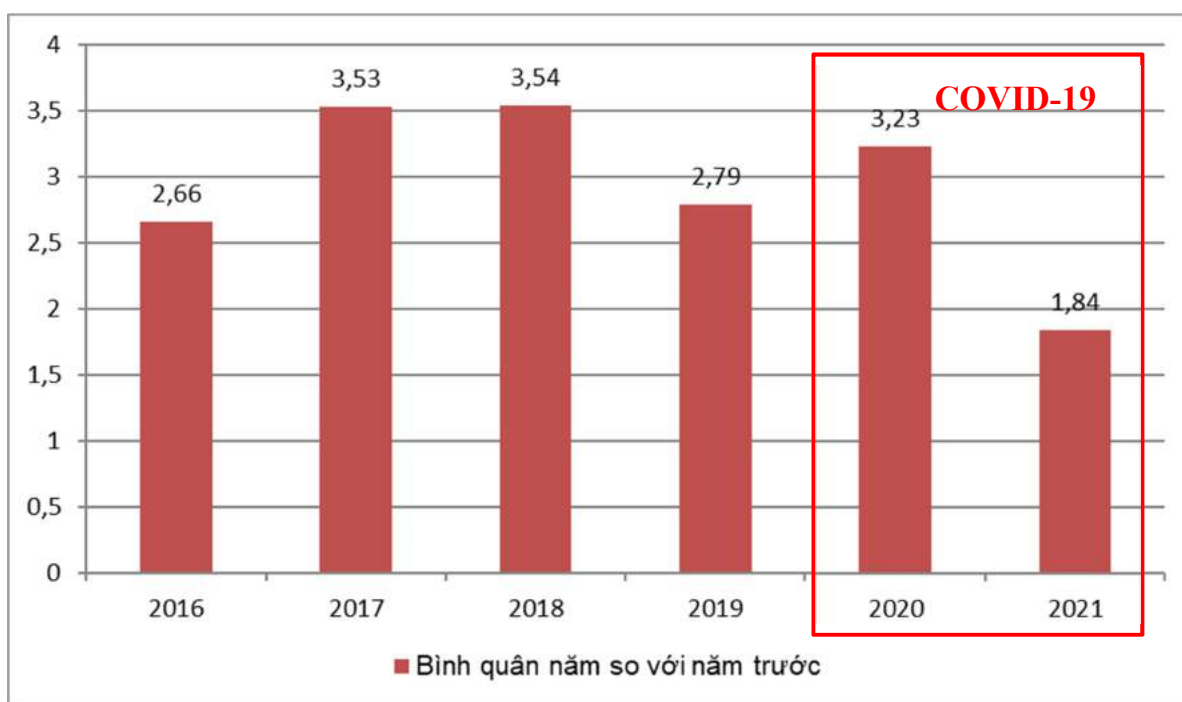
¹⁴ Nhóm tác giả Học viện Nông nghiệp Việt Nam

¹⁵ Xem thêm: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=50462&idcm=188>

¹⁶ Xem thêm: https://www.ey.com/vi_vn/consulting/solutions-for-the-bottleneck-in-vietnams-agricultural-logistics

¹⁷ Xem thêm: <https://baotintuc.vn/thoi-su/covid19-buoc-nen-nong-nghiep-viet-nam-phai-chuyen-tu-mu-mo-sang-tu-chu-20211028210613576.htm>

của Quốc hội đề ra trong bối cảnh một năm với nhiều biến động khó lường. CPI tháng 12/2020 tăng 0,19% so với tháng 12/2019, là mức thấp nhất trong giai đoạn 2016-2020 (Biểu đồ 10). CPI bình quân năm 2020 tăng do một số nguyên nhân chủ yếu sau: (i) Giá các mặt hàng lương thực tăng 4,51% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,17%), trong đó giá gạo tăng 5,14% do giá gạo xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng trong nước tăng; (ii) Giá các mặt hàng thực phẩm tăng 12,28% so với năm trước (làm CPI chung tăng 2,61%), trong đó riêng giá thịt lợn tăng 57,23% do nguồn cung chưa được đảm bảo (làm CPI chung tăng 1,94%), theo đó, giá thịt chế biến tăng 21,59%, mỡ lợn tăng 58,99%, bên cạnh đó, do ảnh hưởng của mưa bão, lũ lụt tại các tỉnh miền Trung trong tháng 10 và tháng 11 tác động làm cho diện tích rau màu ngập nặng, nhiều ao, hồ, chuồng trại bị hư hỏng, cuốn trôi,... làm cho giá rau tươi, khô và chế biến tăng; (iii) Giá thuốc và thiết bị y tế tăng 1,35% do dịch COVID-19 trên thế giới vẫn diễn biến phức tạp nên nhu cầu về mặt hàng này ở mức cao.



Biểu đồ 8. Tốc độ tăng CPI của các năm giai đoạn 2016-2021 (ĐVT: %)

(Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2021)

Năm 2021, trong bối cảnh áp lực lạm phát toàn cầu ngày càng tăng cao, giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giá cước vận chuyển liên tục tăng nhưng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 của Việt Nam chỉ tăng 1,84% so với năm trước, thấp nhất trong 6 năm qua, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra, tiếp tục là năm kiểm soát lạm phát thành công. CPI bình quân năm 2021 tăng một phần do giá gạo tăng 5,79% so với năm trước (làm CPI chung tăng 0,15 điểm phần trăm).

Như vậy, trong hai năm qua, sự biến động của giá cả nông sản, nhất là lương thực, thực phẩm có ảnh hưởng nhất định đến chỉ số gia tiêu dùng, nhưng nhìn chung do nguồn cung dồi dào và chuỗi cung ứng trong nước cơ bản được đảm bảo nên không gây ảnh hưởng đáng kể.

b. Ảnh hưởng về thu chi ngân sách

Trong hai năm qua, Nhà nước tiếp tục thực hiện chính sách miễn giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp. Lĩnh vực nông nghiệp đóng góp thu ngân sách chủ yếu thông qua khoản thu từ các hoạt động sản xuất kinh doanh có liên quan. Trong điều kiện sản xuất kinh doanh ngành nông nghiệp được duy trì tương đối ổn định, nguồn thu ngân sách có liên quan cũng ổn định. Tuy nhiên, ngân sách nhà nước đã phải tăng chi cho các hoạt động phòng chống dịch COVID-19 và cứu trợ xã hội cả ở khu vực nông thôn. Ngân sách đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn bị hạn chế. Trong kế hoạch vốn năm 2021, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được giao 9.846 tỷ đồng (vốn trong nước bao gồm vốn trái phiếu chính phủ 7.001 tỷ đồng; vốn ODA 2.845 tỷ đồng) tương đương các năm trước; giải ngân đạt 86,7% (vốn trong nước 95,6%, vốn ODA 64,8%).

c. Ảnh hưởng tới cán cân thương mại

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2020 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa cả nước ước đạt 543,9 tỷ USD tăng 5,1% so với năm trước, trong đó kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 281,5 tỷ USD, tăng 6,5%; nhập khẩu hàng hóa đạt 262,4 tỷ USD tăng 3,6%. Cán cân thương mại hàng hóa năm 2020 ước xuất siêu 19,1 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu toàn ngành nông lâm thủy sản là 42,34 tỷ USD, xuất siêu 10,89 tỷ USD.

Năm 2021 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa của cả nước ước đạt 668,5 tỷ USD tăng 22,6% so với năm trước. Trong đó xuất khẩu đạt 336,25 tỷ USD tăng 19%, nhập khẩu đạt 332,25 tỷ USD tăng 26,5%, xuất siêu 4 tỷ USD. Trong đó, xuất khẩu nông-lâm-thủy sản đạt 48,6 tỷ USD, tăng 17,8 % so với năm 2020¹⁸; thặng dư thương mại toàn ngành 6,44 tỷ USD (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2021).

Như vậy, trong hai năm đại dịch COVID-19, ngành nông nghiệp vẫn duy trì và tiếp tục mở rộng xuất khẩu hàng hóa, góp phần tích cực vào việc duy trì cán cân thương mại của cả nước.

d. Đánh giá chung về tác động của đại dịch COVID-19 tới ngành nông nghiệp

Đại dịch COVID-19 không phải là dịch bệnh thuộc chuyên ngành kỹ thuật nông nghiệp nhưng đã tác động mạnh đến ngành nông nghiệp, nông dân, nông thôn trên nhiều phương diện tương tự như một cú sốc. Về mặt sản xuất, đại dịch thông qua việc gây đứt gãy trong chuỗi cung ứng đã làm giảm sản lượng một số loại sản phẩm, nhất là các mặt

¹⁸ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Báo cáo tổng kết ngành năm 2021. Hà Nội, 27/12/2021.

hàng kinh doanh tươi sống, khó bảo quản như rau, hoa, quả, thủy sản... Đại dịch đã làm cho số lượng lớn nông dân, doanh nghiệp kinh doanh, dịch vụ liên quan đến nông lâm thủy sản bị ảnh hưởng, nhiều lao động bị mất hoặc giảm việc làm, thu nhập bị giảm. Chuỗi cung ứng nông sản, lương thực thực phẩm trong nước cơ bản được đảm bảo. Đại dịch gây ra một số đứt gãy đối với chuỗi cung ứng vật tư và nông sản liên quan tới xuất, nhập khẩu, chủ yếu là hàng tươi sống, hàng xuất nhập khẩu tiểu ngạch. Đứt gãy tạm thời trong các chuỗi cung ứng gây giảm giá của người sản xuất nhưng tăng giá đối với người tiêu dùng. Tuy vậy, tổng thể dao động về giá cả nông sản không gây ra lạm phát quá mức, ảnh hưởng đến đời sống của người tiêu dùng. Nông nghiệp phát triển ổn định đã đóng góp quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, đời sống nhân dân và chính trị - xã hội trong điều kiện đại dịch.

2.6. Ứng phó của ngành nông nghiệp Việt Nam với đại dịch COVID-19

Trước diễn biến khó lường của đại dịch, Nhà nước đã chỉ đạo nhiều giải pháp ứng phó để vừa phòng chống dịch vừa duy trì sản xuất kinh doanh, ổn định đời sống của nhân dân. Bảng 6 tập hợp một số chính sách do Trung ương ban hành.

Bảng 6. Tổng hợp một số chính sách/gói hỗ trợ của Nhà nước cho người dân và doanh nghiệp ứng phó với COVID-19

TT	Chính sách/gói hỗ trợ của Nhà nước	Văn bản chính sách
I	Nhóm chính sách phòng, chống dịch bệnh	
1	Cho phép Chính phủ quyết định một số <i>cơ chế đặc biệt, đặc thù</i> , đặc cách để kịp thời áp dụng các biện pháp phù hợp đáp ứng yêu cầu cấp bách phòng, chống dịch	- Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội - Nghị quyết số 268/NQ-UBTVQH15 ngày 6/8/2021 của Quốc hội - Nghị quyết số 86/NQ-CP ngày 6/8/2021 của Chính phủ về các giải pháp cấp bách phòng, chống dịch bệnh COVID-19 để thực hiện Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội khóa XV
2	- Một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch COVID-19, áp dụng cho người bị áp dụng biện pháp cách ly y tế; và cho cán bộ y tế - Mua và sử dụng vaccine - Mua sắm thuốc, hóa chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ phòng chống dịch COVID - 19	- Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ - Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ - Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/2/2021 của Chính phủ - Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 22/7/2021 của Chính phủ - Nghị quyết 145/NQ-CP ngày 19/11/2021 của Chính phủ
3	Thực hiện <i>giãn cách xã hội</i> phục vụ phòng chống dịch COVID-19	Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ: - số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 (Chỉ thị 15) - số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 (Chỉ thị 16) - số 19/CT-TTg ngày 24/4/2020 (Chỉ thị 19)

TT	Chính sách/gói hỗ trợ của Nhà nước	Văn bản chính sách
II	Nhóm chính sách đảm bảo an sinh xã hội	
4	<i>Hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch (tiền mặt, viện trợ lương thực, cắt giảm tiền điện sinh hoạt,...)</i> - người lao động; hộ nghèo - các doanh nghiệp gặp khó khăn do đại dịch không có doanh thu hoặc không có nguồn tài chính để trả lương - hộ kinh doanh cá thể có doanh thu khai thuế dưới 100 triệu đồng/năm Kết quả: 62 nghìn tỷ được giải ngân cho khoảng 20 triệu lao động bị giãn, hoãn, hoặc mất việc <i>Các chính sách này hỗ trợ hộ kinh doanh, người sử dụng lao động và người lao động, bao gồm doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp và/hoặc sản xuất, chế biến thực phẩm.</i>	- Chỉ thị số 11/CT-Ttg ngày 4/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định 437/QĐ-Ttg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ - Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ - Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ - Quyết định số 15/2020/QĐ-Ttg ngày 24/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ - Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ - Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ - Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 31/7/2021 của Chính phủ - Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 20/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ - Nghị quyết số 296/NQ-UBTVQH15 ngày 7/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
5	<i>Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp</i>	- Nghị quyết số 03/2021/UBTVQH15, 24/9/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021
III	Nhóm chính sách hỗ trợ phục hồi sản xuất, kinh doanh	
6	<i>Hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trong bối cảnh dịch COVID-19:</i> - hỗ trợ, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn cản trở hoạt động sản xuất, kinh doanh - đảm bảo ổn định sản xuất, lưu thông hàng hoá thông suốt, hiệu quả, an toàn, khắc phục gián đoạn chuỗi cung ứng - hỗ trợ cắt giảm chi phí, tháo gỡ khó khăn về tài chính, dòng tiền cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh - tạo điều kiện thuận lợi về lao động, chuyên gia - cho phép gia hạn thời gian giãn, hoãn thuế, tiền thuê đất - giảm 30% thuế TNDN năm 2020 cho các doanh nghiệp, HTX và các tổ chức khác có doanh thu dưới 200 tỷ <i>Doanh nghiệp, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và sản xuất, chế biến lương thực, thực phẩm thuộc đối tượng được hoãn nộp tiền thuế, tiền thuê đất</i>	- Nghị định số 41/2020/NĐ-CP ngày 8/4/2020 - Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 - Quyết định số 22/2020/QĐ-Ttg ngày 10/8/2020 - Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 - Nghị quyết số 105/NQ-CP ngày 09/9/2021 của Chính phủ

TT	Chính sách/gói hỗ trợ của Nhà nước	Văn bản chính sách
7	<i>Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động</i> gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 - doanh nghiệp được vay vốn với lãi suất 0% để trả lương cho người lao động khi phục hồi sản xuất - kinh doanh hoặc trả lương cho người lao động ngừng việc	- Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 1/7/2021 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 126/NQ-CP) - Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 7/7/2021 - Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ
8	Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội với quan điểm chỉ đạo điều hành theo hướng tiếp tục thực hiện “mục tiêu kép” hỗ trợ nhằm hồi phục và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái “bình thường mới”; giữa việc phòng dịch với phát triển kinh tế - xã hội là “bảo đảm hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa phòng, chống dịch và sản xuất kinh doanh”, “chống dịch để sản xuất và sản xuất để chống dịch”	- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ - Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 29/6/2021 của Chính phủ

(Nguồn: Tổng hợp của nhóm tác giả)

Có thể thấy, nhóm chính sách đảm bảo an sinh xã hội tập trung vào hỗ trợ doanh nghiệp thông qua giảm nghĩa vụ đóng góp vào quỹ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; tăng cường khả năng tiếp cận nguồn tín dụng qua Ngân hàng Chính sách Xã hội để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

Trong khi đó, nhằm hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh, Chính phủ đã áp dụng các biện pháp hoãn, giãn nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), giảm thuế suất thuế TNDN cho doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, hoãn nộp tiền đóng quỹ lương hưu (bảo hiểm xã hội) và cung cấp các khoản vay không lãi suất để chi trả lương (Shawn Tan và Trang Trần, 2020). Đồng thời, Chính phủ cũng đã chỉ đạo nhiều biện pháp quyết liệt tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong lưu thông hàng hóa trong nước và xuất, nhập khẩu.

Mặc dù phần lớn các chính sách, gói hỗ trợ được ban hành kịp thời, giúp tăng cường năng lực ứng phó với tác động của đại dịch COVID-19 nhưng vẫn còn một số điểm chưa hợp lý. Chẳng hạn, đối tượng thụ hưởng của chính sách miễn giảm thuế TNDN (*giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức khác có tổng doanh thu không quá 200 tỷ đồng*) - ban hành theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 và Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ - thường là những doanh nghiệp làm ăn có lãi, tức là các doanh nghiệp đang hưởng lợi hoặc ít chịu ảnh hưởng chứ không phải những doanh nghiệp đang gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (NEU-JICA, 2020).

Bên cạnh các chính sách, gói hỗ trợ từ Chính phủ, nhiều địa phương cũng chủ động triển khai các giải pháp sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ các nhóm yếu thế, người lao động. Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành hai gói hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi COVID-19. Thành phố Hà Nội đã ban hành Nghị quyết quy định các chính sách đặc thù của thành phố đối với 10 nhóm đối tượng bị ảnh hưởng, gặp khó khăn do dịch bệnh COVID-19 chưa được quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cũng bổ sung 500 tỷ đồng ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội thành phố Hà Nội để người lao động và người sử dụng lao động được vay vốn phục hồi kinh tế sau thời gian giãn cách xã hội...

Các doanh nghiệp nông nghiệp thường không phải là những doanh nghiệp mạnh. Vì vậy, những khó khăn của ngành trong 6 tháng đầu năm 2020 như dịch COVID-19 cùng hạn hán, xâm nhập mặn ĐBSCL đã khiến số doanh nghiệp phải tạm ngừng hoạt động tăng 23,9% so với cùng kỳ năm 2019 (Cần Văn Lực và cộng sự, 2020)¹⁹. Trong điều kiện đại dịch, nhiều doanh nghiệp đã năng động tìm giải pháp khắc phục. Đại dịch đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc làm và mô hình hoạt động của các doanh nghiệp. Doanh nghiệp buộc phải cắt giảm chi phí thông qua giảm giờ làm của nhân viên, cắt giảm lương, cho nhân viên nghỉ việc, cũng như điều chỉnh mô hình kinh doanh để ứng dụng nhiều hơn các nền tảng và giải pháp số hóa (Shawn Tan và Trang Trần, 2020).

Thanh long - trái cây lợi thế của Bình Thuận - gặp khó trong xuất khẩu do một số nước tạm dừng nhập khẩu hoặc chỉ nhập khẩu số lượng rất hạn chế dưới tác động của đại dịch COVID-19. Trước tình hình đó, nhiều doanh nghiệp và HTX đã linh hoạt chuyển đổi từ xuất khẩu trái tươi sang chế biến sấy khô, sấy dẻo hoặc chưng cất thành nước ép thanh long, rượu vang thanh long,... Mặt khác, không chỉ đẩy mạnh hoạt động sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm tiếp cận khách hàng mà các đơn vị còn tăng tính chủ động trong kinh doanh. Ở thời điểm giãn cách xã hội khó tiếp cận khách hàng theo cách thức truyền thống thì họ đã chuyển sang tương tác trên nền tảng công nghệ số. Một số hợp tác xã và doanh nghiệp có sản phẩm chứng nhận OCOP Bình Thuận 3 sao, 4 sao đã sử dụng các trang mạng xã hội để quảng bá bán hàng, xây dựng website quảng bá giới thiệu sản phẩm đến khách hàng và người tiêu dùng (UBND tỉnh Bình Thuận, 2021)²⁰. Việc “số hóa” trong sản xuất kinh doanh hay quản trị sẽ giúp doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng tốt hơn trong giai đoạn hậu đại dịch COVID-19, nhất là kiểm soát tốt sản xuất, xuất khẩu, cân đối cung cầu, truy xuất nguồn gốc (AgroInfo, 2020)²¹.

¹⁹ Xem thêm: <https://thitruongtaichinhhtiente.vn/cap-nhat-tac-dong-cua-dai-dich-covid-19-doi-voi-cac-nganh-kinh-te-viet-nam-28398.html>

²⁰ Xem thêm: <https://www.binhthuan.gov.vn/4/469/65109/609709/tin-tuc-doanh-nghiep/doanh-nghiep-nong-nghiep-no-luc-khac-phuc-kho-khan-khong-de-dut-gay-chuoi-san-xuat.aspx>

²¹ Xem thêm: http://agro.gov.vn/vn/tID29724_Doanh-nghiep-nong-nghiep-thich-ung-hau-Covid19.html

Trong khâu phân phối, khoảng 20-50% kho vận của Việt Nam có doanh thu sụt giảm nghiêm trọng (Đào Lê, 2020). Khoảng 80% các doanh nghiệp trong lĩnh vực này, đặc biệt là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, lựa chọn biện pháp thích ứng là thu hẹp quy mô sản xuất, tạm dừng hoạt động để chờ cơ hội phục hồi trong tương lai (Đào Lê, 2020) trong khi đó một số doanh nghiệp buộc phải chọn giải pháp giải thể doanh nghiệp.



**Học viện Nông nghiệp Việt Nam sử dụng đội ngũ kỹ thuật và
hỗ trợ vật tư để phối hợp với các trường trung học phổ thông tổ chức xét nghiệm COVID-19
giúp tăng cường khả năng phát hiện và phòng ngừa COVID-19 trong cộng đồng**

(Nguồn: Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

PHẦN III.

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO KHẢ NĂNG CHỐNG CHỊU CỦA NỀN NÔNG NGHIỆP TỪ KINH NGHIỆM PHÒNG CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

3.1. Phương hướng nâng cao khả năng chống chịu đối với các nhóm đối tượng

a. Mục đích

Mục đích chính của việc nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp là tạo cơ sở ổn định sản xuất và đời sống của nông dân cũng như hoạt động của các ngành kinh tế có liên quan, đời sống của người tiêu dùng lương thực, góp phần ổn định xã hội trước tác động của các loại rủi ro và căng thẳng bất lợi có thể xảy ra.

b. Yêu cầu

Để đạt mục tiêu nêu trên cần hướng đến đạt các yêu cầu cụ thể chính gồm:

- *Đối với sản xuất nông nghiệp*: duy trì tăng trưởng ổn định của ngành nông nghiệp, nhất là sản xuất lương thực thực phẩm, đảm bảo nguồn cung liên tục ra thị trường, nhất là khi có các cú sốc đe dọa giảm sản lượng nông nghiệp;

- *Đối với người sản xuất*: đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định hoặc tiếp tục gia tăng; hạn chế tổn thất về sản lượng và giá trị; hạn chế việc phải tăng chi phí sản xuất;

- *Đối với chuỗi cung ứng*: đảm bảo chuỗi cung ứng không bị đứt gãy, liên tục cung cấp đủ về số lượng, chủng loại tới mọi nơi, tiêu thụ kịp thời nông sản do nông dân làm ra với giá cả tương đối ổn định;

- *Đối với kinh tế vĩ mô*: giảm thiểu tác động tiêu cực tới các cân đối vĩ mô; ổn định chính trị, xã hội.

3.2. Giải pháp chính nâng cao năng lực phòng ngừa của nông nghiệp

Phần lớn các rủi ro tạo ra các cú sốc đối với nông nghiệp có liên quan tới thiên tai, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi hoặc trên người, biến động trên thị trường quốc tế hầu như không thể ngăn chặn. Tuy nhiên, có thể thực hiện nhiều giải pháp để giảm nhẹ cường độ và tác động của các cú sốc.

Đối với thiên tai, các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu có thể giúp né tránh bão, lũ, hạn hán, xâm nhập mặn, giảm thiệt hại. Năm 2018, xâm nhập mặn ở ĐBSCL cao hơn năm 2014-2015, nhưng nhờ áp dụng nhiều biện pháp đồng bộ, nhất là chuyển dịch thời vụ gieo trồng lúa ở các vùng có thể bị nhiễm mặn, nên đã giảm hơn 90% thiệt hại so với trước đó. Đồng thời cần chủ động quy hoạch, lựa chọn và huy động nguồn lực thực hiện các biện pháp thủy lợi công trình và phi công trình. Đối với nông nghiệp, phát triển

hệ thống thủy lợi là yếu tố quan trọng hàng đầu để nâng cao khả năng chống chịu trước thiên tai và biến đổi khí hậu.

Đối với dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, dịch bệnh trên người, trong 20 năm qua Việt Nam đã phải đối phó với dịch SARS năm 2002-2004, dịch cúm gia cầm A/H5N1 lây sang người 2003-2005 và đại dịch COVID-19 năm 2020-2022. Trong cùng thời gian đó, thế giới đã phải chống chọi với nhiều dịch bệnh nguy hiểm khác như Ebola, MERS, cúm lợn... Trong những năm tới, có thể sẽ có những đợt dịch mới khác bùng phát. Tác động của mỗi loại dịch bệnh có thể khác nhau, nhưng giải pháp để ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh thì có nhiều điểm giống nhau. Trước khi nghiên cứu và chế tạo được vaccin, biện pháp bắt buộc là phải cách ly, phong tỏa các cá nhân và vùng có dịch bệnh lưu hành. Ngành nông nghiệp phải kết hợp chặt chẽ với ngành y tế để tổ chức giám sát, phòng ngừa sự lây lan của dịch bệnh từ động vật sang người. Cần tăng cường năng lực của hệ thống Thú y, tiếp tục triển khai “Chương trình Một sức khỏe” để tạo điều kiện phối hợp hiệu quả giữa các chuyên ngành.

Mặt khác, cơ cấu lại tổ chức bộ máy quản lý ngành nông nghiệp phải đi đôi với nâng cao năng lực của hệ thống Thú y, Bảo vệ thực vật giúp hạn chế sự lây lan của dịch bệnh và thiệt hại khi dịch bệnh xảy ra.

Đối với các cú sốc thị trường, phát triển hệ thống giao thông thuận tiện bốn mùa đến tất cả các địa bàn là yếu tố cơ bản để đảm bảo cung cấp đủ và kịp thời lương thực thực phẩm tới người tiêu dùng, cũng như giúp tiêu thụ kịp thời nông sản làm ra, không để xảy ra tình trạng mất cân đối cung cầu, đột biến giá cả trong nước. Phát triển hệ thống bảo quản, chế biến, phân phối đủ mạnh để giúp bình ổn thị trường khi có các cú sốc tác động đến cung, cầu trên diện rộng. Đối với các loại hàng hóa xuất nhập khẩu, cần đa dạng hóa thị trường, tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường; phát triển quan hệ ngoại giao hỗ trợ đảm bảo sự ổn định trong giao thương.

Mỗi nhà sản xuất, kinh doanh, người tiêu dùng cần chủ động có biện pháp đề phòng các tình huống rủi ro, nhất là ở các vùng có nhiều loại thiên tai thường xuyên xảy ra như khu vực miền Trung.

Phát triển các hệ thống bảo hiểm, an sinh xã hội, cứu trợ để hỗ trợ cho các nhà sản xuất và cả người tiêu dùng thu nhập thấp đối phó với thiên tai, dịch bệnh. Tăng dự trữ các loại lương thực và vật tư thiết yếu.

Lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, dịch bệnh trong các quy hoạch, kế hoạch, phát triển kinh tế - xã hội, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật (Adelodun & cs., 2021; Cao Trường Sơn & cs.,²² 2022). Thực

²² Nhóm tác giả Học viện Nông nghiệp Việt Nam

tế những năm gần đây cho thấy, nhà cửa của dân được xây dựng kiên cố hơn nên khi có bão cấp 10-12 vào các tỉnh miền Trung, thiệt hại giảm đáng kể so với trước.

3.3. Giải pháp chính nâng cao năng lực dự phòng, phản ứng sớm của nông nghiệp

- Phát triển hệ thống dự báo, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh, thông tin thị trường.
- Đối với thiên tai, các địa phương, đơn vị xây dựng kế hoạch ứng phó với tình huống thiên tai. Chuẩn bị sẵn sàng theo phương châm “4 tại chỗ” (Chỉ huy tại chỗ; Lực lượng tại chỗ; Vật tư tại chỗ; Hậu cần tại chỗ). Trước khi thiên tai xảy ra, thực hiện các biện pháp dự phòng như thông tin về dự báo thiên tai; kêu gọi tàu thuyền hoạt động trên biển; sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm; gia cố các công trình có nguy cơ...
- Đối với dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, biện pháp quan trọng là điều tra, giám sát dịch tễ để phát hiện kịp thời sự lưu hành của các tác nhân gây bệnh. Đối với các bệnh mới, cần tập trung lực lượng khoa học trong nước, phối hợp với các tổ chức quốc tế để nhận dạng và làm rõ các đặc tính của dịch bệnh để có cơ sở khoa học tổ chức công tác phòng chống. Thông tin rộng rãi để người dân biết và chủ động có biện pháp dự phòng.
- Đối với các cú sốc về thị trường, thực hiện có hệ thống việc theo dõi, phân tích, dự báo thông tin thị trường; thực hiện các biện pháp can thiệp điều chỉnh cung cầu trong nước. Ví dụ như năm 2012-2015, khi phát hiện xu hướng dư thừa cao su thiên nhiên trên thị trường thế giới, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hướng dẫn các địa phương dừng mở rộng diện tích, thực hiện các biện pháp kỹ thuật kiểm chế tăng sản lượng...
- Bên cạnh việc nâng cao năng lực dự phòng của ngành y tế và các ngành có liên quan, kinh nghiệm của hai năm phòng chống đại dịch COVID-19 cho thấy tầm quan trọng của ngành nông nghiệp với vai trò là trụ đỡ cho nền kinh tế. Nhà nước cần tiếp tục có chủ trương chính sách duy trì sự phát triển ổn định, bền vững của nông nghiệp, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực; đảm bảo chuỗi cung ứng, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn.

3.4. Các giải pháp chính nâng cao năng lực đối phó, hấp thụ rủi ro, khắc phục hậu quả của nông nghiệp

Việc đối phó với thiên tai, dịch bệnh cũng như các cú sốc về thị trường khi đã xảy ra là rất khó khăn, nhiều trường hợp gần như không thể. Do vậy các biện pháp dự phòng có tính chất quyết định.

Tuy nhiên, dù có làm tốt công tác dự phòng đến đâu thì khi thiên tai xảy ra vẫn có nhiều việc phải bổ sung, điều chỉnh. Thiên tai luôn dẫn đến những tình huống bất ngờ yêu cầu phải ứng cứu kịp thời. Do vậy, việc theo dõi sát sao, thông tin thông suốt, kịp

thời, tổ chức thực hiện các biện pháp bổ sung giúp giảm nhẹ tác động của thiên tai, giảm thiệt hại về người và của.

Khi dịch bệnh xảy ra, tính hiệu quả của công tác giám sát, bao vây, dập dịch nhanh chóng có ý nghĩa quyết định. Cần có hai yếu tố đảm bảo cho sự thành công, đó là sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của các cấp chính quyền với sự tham mưu của cơ quan chuyên môn và sự vào cuộc của người dân, doanh nghiệp. Để có được hai yếu tố đó, ngoài các quy định hành chính, rất cần có sự thông tin minh bạch, chính xác và kịp thời về dịch bệnh. Tình trạng dẫu dịch hoặc thời phòng đều có hại cho công tác phòng chống dịch bệnh. Chống dịch là công tác có yêu cầu kỹ thuật cao nên các cấp chính quyền cần phải có tham mưu kỹ thuật để chỉ đạo đúng và hiệu quả. Việc thiếu vắng đội ngũ cán bộ thú y, bảo vệ thực vật cơ sở ở nhiều địa phương đang ảnh hưởng tiêu cực đến công tác phòng chống dịch bệnh trong lĩnh vực nông nghiệp gần đây. Tuy nhiên, để đảm bảo sự chặt chẽ và tính hiệu quả trong công tác chống dịch, bên cạnh các quy định hành chính cần có các chính sách hỗ trợ kinh tế phù hợp để khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia, nhất là trong những trường hợp phải hy sinh lợi ích của gia đình, doanh nghiệp vì lợi ích cộng đồng như tiêu hủy gia súc bị bệnh thay vì bán ra thị trường.

Trong ứng phó với các cú sốc về thị trường, bên cạnh việc hướng dẫn các hộ gia đình, doanh nghiệp tự điều chỉnh sản xuất, tiêu dùng, ở cấp quốc gia cần rà soát, tháo gỡ kịp thời các cản trở lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Việc vận động ngoại giao có vai trò quan trọng để hỗ trợ các cơ quan chuyên môn, các doanh nghiệp duy trì thị trường trong lúc khó khăn.

Ngay sau khi thiên tai dịch bệnh xảy ra, Nhà nước cần đánh giá và có chính sách hỗ trợ kịp thời để khắc phục hậu quả, cứu trợ lương thực, nước uống; khôi phục nhà cửa, công trình hạ tầng điện, nước, thông tin liên lạc, giao thông, thủy lợi và hỗ trợ khôi phục sản xuất, kinh doanh, xử lý ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi.

3.5. Giải pháp chính nâng cao năng lực thích ứng của nông nghiệp

Để tránh tổn thất trong tương lai khi xảy ra các rủi ro thiên tai tương tự, từ xa xưa ông cha ta đã có những giải pháp thích ứng. Nhiều nơi đã có những mốc giới về mức độ ngập lụt để các đời sau định hướng xây dựng nhà ở và các công trình.

Trong điều kiện biến đổi khí hậu có thể có những thay đổi, cần điều tra để điều chỉnh các mốc giới về mức độ ngập úng cả về phạm vi và độ sâu. Việc xây dựng các bản đồ dự báo về ngập lụt, xâm nhập mặn là cần thiết. Gần đây, với sự hỗ trợ của Quốc tế, nhiều địa phương ở ĐBSCL đã xây dựng và áp dụng bản đồ về thích ứng với biến đổi khí hậu (C-map) rất hiệu quả. Theo đó, biện pháp trước hết là điều chỉnh thời vụ gieo trồng để né tránh bão, lũ, khô hạn và xâm nhập mặn trong bối cảnh mới. Trong một số trường hợp phải có những điều chỉnh tương ứng về kỹ thuật canh tác.

Đối với các cú sốc thị trường, cần nghiên cứu để rút ra những bài học về năng lực cạnh tranh của các loại nông sản hàng hóa sản xuất trong nước. Nhiều trường hợp, nông dân và doanh nghiệp đã mở rộng sản xuất cây trồng (cao su, cà phê...) ở các vùng đất ít phù hợp về thổ nhưỡng, khí hậu với tính toán dựa vào các thông tin thị trường ở lúc thuận lợi. Khi khủng hoảng xảy ra, các vườn cây này bị thiệt hại trước do có giá thành sản xuất cao. Do vậy, cần rút kinh nghiệm từ các cuộc khủng hoảng để có định hướng phát triển cây trồng, vật nuôi phù hợp hơn.

Trong khi đại dịch COVID-19 xảy ra, vấn đề chính đặt ra là khắc phục tình trạng đứt gãy các chuỗi cung ứng vật tư, nông sản, lương thực, thực phẩm, bảo vệ việc làm và thu nhập của người lao động. Biện pháp chính chuẩn bị cho tình huống tương tự trong tương lai là phát triển đa dạng cơ sở hạ tầng, logistics; đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp và nông lâm thủy sản; nâng cao năng lực dự trữ lương thực tại các vùng miền và dự trữ tài chính; hoàn thiện chính sách an sinh xã hội; phát triển các loại hình bảo hiểm, bao gồm cả bảo hiểm trong nông nghiệp.

3.6. Các giải pháp chính nâng cao năng lực chuyển đổi của nông nghiệp

Những chuyển biến dần dần nhưng liên tục dẫn đến yêu cầu phải có những thay đổi có tính chất cơ cấu để có thể ứng phó có hiệu quả với các rủi ro trong nông nghiệp, nhất là liên quan đến biến đổi khí hậu, thay đổi về dân số, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa.

Cùng với việc nước biển dâng lên, xâm nhập mặn ở ĐBSCL sẽ thường xuyên hơn, đến sớm hơn, kéo dài hơn vào sâu trong đất liền hơn. Để đối phó với tình trạng này, việc xây dựng các công trình ngăn mặn, trữ ngọt là cần thiết. Tuy nhiên trong nhiều trường hợp, việc thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, mùa vụ có thể có hiệu quả cao hơn. Tương tự đối với các khu vực thường xuyên bị hạn hán đe dọa như vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

Việc thay đổi cơ cấu dân số bằng cách rút bớt lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp vào các đô thị dẫn đến phải thay đổi cơ cấu và phương thức sản xuất để thích ứng với hoàn cảnh mới khi giá nhân công lên cao, yêu cầu đối với nông sản phẩm thay đổi cả về cơ cấu, số lượng và chất lượng.

Hơn nữa, trong bối cảnh mới nền nông nghiệp có khả năng chống chịu cao đồng thời phải có khả năng cạnh tranh cao, giảm phát thải khí nhà kính, đáp ứng yêu cầu phát triển xanh, bao trùm. Nhóm nghiên cứu của Học viện Nông nghiệp Việt Nam đã có những nghiên cứu, tiếp cận mới về áp dụng kinh tế tuần hoàn trong quản lý chất thải chăn nuôi, trên cơ sở thu hồi các thành phần có thể chuyển hóa thành dinh dưỡng hoặc chuyển hóa thu hồi khí sinh học từ chất thải giàu hữu cơ. Một số mô hình sản xuất tại Ba Vì, Hà Nội đã có sự kết hợp trong sử dụng rơm rạ, phụ phẩm nông nghiệp làm nguyên liệu đầu vào sản xuất phân bón hữu cơ (Võ Hữu Công & cs., 2021).

Trong thời gian đại dịch, các ngành hàng sản xuất các mặt hàng tiêu dùng tươi sống như thủy sản, rau, hoa, quả đã bị ảnh hưởng nhiều nhất. Do nhu cầu tiêu dùng trong nước giảm, ách tắc trong lưu thông giữa các vùng miền và xuất khẩu nên giảm giá và giảm cả sản lượng. Để đối phó với các tình huống tương tự trong tương lai cần chú trọng nâng cao năng lực chế biến, bảo quản, nhất là đối với rau, hoa, quả; chọn tạo và đưa vào sử dụng các giống có khả năng bảo quản dài hạn hơn.

Tuy nhiên, để có thể thay đổi, cần có sự chuẩn bị phù hợp về thể chế, hạ tầng và nhân lực.

3.7. Giải pháp khác để nâng cao khả năng chống chịu của nền nông nghiệp

a. Nâng cao năng lực cấp hộ, doanh nghiệp, cộng đồng

Trước hết cần phổ biến các thông tin liên quan để các hộ, doanh nghiệp nhận thức đúng về các mối nguy cơ, rủi ro và có biện pháp phòng tránh, ứng phó phù hợp.

Đối với các loại thiên tai, việc tổ chức xây dựng các bản đồ dự báo về khả năng ngập lụt, xâm nhập mặn, hạn hán kèm theo các phương án phòng chống, tập huấn, diễn tập phòng chống là cần thiết, nhất là ở các vùng thường xuyên xảy ra thiên tai. Việc hỗ trợ xây dựng chỗ trú tránh bão, lũ kiên cố cho từng hộ gia đình hoặc cộng đồng có tác dụng tốt.

Đối với dịch bệnh, cần có hệ thống giám sát và thông tin kịp thời, minh bạch về tình hình dịch bệnh, biện pháp phòng chống cho nông dân và doanh nghiệp, tổ chức các cộng đồng cùng nhau thực hiện.

Đối với các biến động thị trường, cần có hệ thống thông tin thị trường nhạy bén để hỗ trợ các hộ nông dân, doanh nghiệp ra quyết định phù hợp trong sản xuất kinh doanh.

Lựa chọn đa dạng hóa phù hợp cây trồng vật nuôi để tránh tình trạng “bỏ trứng vào một rọ” nhưng không làm tổn hại quá mức đến tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong sản xuất nông sản hàng hóa chính.

Phát triển hệ thống bảo hiểm để giúp các hộ, doanh nghiệp giảm bớt tác hại của rủi ro. Hoàn thiện hệ thống cứu trợ để đáp ứng kịp thời khi cần thiết.

Ban hành cơ chế xử lý phù hợp các khoản vay (dẫn nợ, xóa nợ...) để giúp các hộ, doanh nghiệp giảm bớt khó khăn khi gặp rủi ro.

b. Nâng cao năng lực của các chuỗi cung ứng

Các chuỗi cung ứng bị gián đoạn có thể gây ra nhiều hệ lụy cho cả người sản xuất và tiêu dùng nông sản phẩm. Nguyên nhân chính là do gián đoạn lưu thông hàng hóa hoặc giảm cung, cầu đột ngột.

Biện pháp chủ yếu được nhiều nước áp dụng là:

- Phát triển hệ thống giao thông đa tuyến;

- Phát triển các chuỗi cung ứng đa dạng;
- Phát triển thị trường đa dạng, nhất là đối với hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Tăng năng lực dự trữ, bảo quản trong nước.

Vấn đề cấp thiết là phải đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu nông sản và vật tư nông nghiệp; chuyển mạnh từ xuất nhập khẩu tiểu ngạch với Trung Quốc sang chính ngạch. Trung Quốc đã có chủ trương này từ nhiều năm trước. Phía Việt Nam cần có chính sách tương ứng.

Để có thể chiếm lĩnh thị trường Trung Quốc tiến tới xuất khẩu bền vững nhóm hàng nông - lâm - thủy sản sang khu vực thị trường này, cần định hướng trong thời gian tới như sau:

- Tăng cường hợp tác với phía Trung Quốc triển khai hiệu quả những văn bản hợp tác trong lĩnh vực thương mại, kiểm nghiệm, kiểm dịch đã ký kết giữa hai bên làm cơ sở để thiết lập cơ chế trao đổi thường xuyên với phía Trung Quốc nhằm nắm bắt kịp thời những thay đổi của phía bạn, tập trung đàm phán để giải quyết tháo gỡ các vấn đề khó khăn cho doanh nghiệp.

- Tích cực đàm phán mở cửa thị trường Trung Quốc cho các sản phẩm nông sản, thủy sản, ưu tiên các sản phẩm nông, thủy sản Việt Nam có lợi thế và có tiền lệ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Phối hợp tổ chức các đoàn doanh nghiệp Trung Quốc vào Việt Nam tiến hành khảo sát công nhận vùng nuôi trồng đủ tiêu chuẩn xuất khẩu.

- Chủ động trao đổi với phía Trung Quốc để thống nhất và liên tục cập nhật nhằm tăng thêm số lượng doanh nghiệp được Trung Quốc cấp phép trở thành các cơ sở sản xuất, gia công, chế biến, xuất khẩu, đóng gói,... Đề nghị phía Trung Quốc tăng thêm các cửa khẩu chỉ định nhập khẩu trái cây, lương thực, thủy sản... tại khu vực biên giới, giảm thời gian làm thủ tục thông quan vào mùa cao điểm.

- Tiếp tục nghiên cứu, trao đổi xây dựng các thỏa thuận hợp tác mới trong một số lĩnh vực quan trọng như công nhận lẫn nhau, phát hiện, phòng chống và xử lý các vấn đề liên quan đến kiểm nghiệm, kiểm dịch động thực vật cũng như tháo gỡ các hàng rào SPS trong hoạt động xuất khẩu; lĩnh vực đấu tranh, phòng chống vi phạm bản quyền, sở hữu trí tuệ trong hàng hóa giao dịch, buôn bán tại khu vực biên giới cũng như đăng ký thương hiệu, các cơ chế phối hợp, trao đổi thông tin với chính quyền địa phương biên giới Trung Quốc như Vân Nam, Quảng Tây.

- Đàm phán thống nhất với phía Trung Quốc kế hoạch, quy hoạch nâng cấp các cặp cửa khẩu phụ, đường mòn, lối mở đủ điều kiện thành các cửa khẩu quốc gia, quốc tế..., tạo điều kiện thuận tiện cho các hoạt động xuất nhập khẩu, trao đổi buôn bán biên giới cũng như công tác quản lý và phòng chống các mặt trái của hoạt động này. Bên cạnh đó tiếp tục có chính sách ưu đãi thu hút đầu tư từ trong và ngoài nước trong lĩnh vực cơ sở

hạ tầng thương mại như kho tàng, bến bãi... tại khu vực biên giới, đáp ứng nhu cầu phát triển ngày càng mạnh của hoạt động thương mại biên giới.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với quy hoạch các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, có quy mô, gắn với nhu cầu thị trường; tăng cường quản lý, giám sát chất lượng hàng xuất khẩu từ khâu sản xuất đến gia công xuất khẩu.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại có hiệu quả tại thị trường Trung Quốc.

c. Nâng cao năng lực của hệ thống nông lương quốc gia

Các giải pháp chính gồm:

- Điều chỉnh cơ cấu cây trồng, vật nuôi có tính đến rủi ro thiên tai, dịch bệnh và thị trường theo hướng né tránh thiên tai, đề phòng dịch bệnh, đa dạng thị trường;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống dịch vụ công chuyên nghiệp kết hợp phát huy sự tham gia của tư nhân;

- Xây dựng hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách minh bạch;

- Xây dựng bộ máy quản lý nhà nước thống nhất, phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng;

- Chuẩn bị đủ dự trữ lương thực, vật tư thiết yếu và dự phòng tài chính;

- Nâng cao năng lực truyền thông và chuyển đổi số trong quản lý phát triển;

- Nâng cao năng lực của hệ thống nghiên cứu, khuyến nông các cấp để tư vấn, đào tạo, chuyển giao tới nông dân các kiến thức và kỹ năng nhận thức và quản lý rủi ro trong nông nghiệp.

Cụ thể, hệ thống khuyến nông cần giúp nông dân nâng hiểu được các dạng rủi ro tiềm năng có thể xảy ra kể cả nguyên nhân, tính chất nghiêm trọng về thiệt hại cũng như nhu cầu về nguồn lực ứng phó và giải pháp chủ động ứng phó từ trước với từng loại rủi ro; biết được và có thể sử dụng một cách hiệu quả các nhóm công cụ quản lý rủi ro sẵn có như: nhóm các công cụ quản lý rủi ro trên nông trại (on-farm tools), công cụ ngoài nông trại (off-farm tools), nhóm công cụ dựa trên thị trường (market-based tools), các công cụ tài chính (finance-based tools) và các nhóm công cụ khác.

d. Nâng cao năng lực truyền thông và chuyển đổi số trong quản lý phát triển

Phát triển các hệ thống truyền thông đa kênh phù hợp với từng vấn đề và từng nhóm đối tượng để tiếp cận và truyền tải thông tin một cách nhanh nhất, chính xác nhất để người sản xuất, doanh nghiệp và cộng đồng nắm được thông tin về thị trường, các rủi ro và cú sốc một cách chính thống. Truyền thông đa kênh bao gồm các hoạt động truyền thông đồng thời trên nhiều nền tảng truyền phát và công nghệ khác nhau như truyền hình,

truyền thanh, điện thoại, tin nhắn, mạng xã hội (Facebook, Tiktok, Youtube...), trang web điện tử... Tức là, truyền thông chấp nhận cả các phương thức truyền thống và hiện đại để có thể tiếp cận nhiều nhóm đối tượng có xu hướng tiếp cận thông tin theo những cách khác nhau. Đại dịch COVID-19 đã cho thấy sự cần thiết phải giao tiếp và truyền thông theo nhiều cách khác nhau để đến được người dân và doanh nghiệp nhanh và chính xác nhất trong điều kiện cách ly hay hạn chế di chuyển hoặc xa cách về địa lý. Điều đó cũng đòi hỏi sự chấp nhận và nâng cao năng lực của hệ thống quản lý nông nghiệp hiện tại để tiếp cận công nghệ mới và các phương thức giao tiếp phi truyền thống.

Bên cạnh đó, chuyển đổi số là giải pháp đồng thời để tăng cường năng lực quản lý và tích hợp truyền thông trong nông nghiệp - nông thôn. Để có thể thực hiện được các phương thức truyền thông đa kênh như vậy đòi hỏi sự tích hợp công nghệ số. Điều đó sẽ thúc đẩy sự chuyển đổi số trong hoạt động quản lý và truyền thông - giao tiếp của các cơ quan quản lý nông nghiệp - nông thôn cũng như người dân và doanh nghiệp. Vì vậy, việc triển khai thực hiện các hoạt động này sẽ nâng cao năng lực của người quản lý và điều hành hệ thống cũng như tính hiệu quả của hệ thống quản lý nông nghiệp - nông thôn.

PHẦN IV. KIẾN NGHỊ

(1) Nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế nói chung và nông nghiệp nói riêng trước tác động của các cú sốc và căng thẳng là yêu cầu thực tế, khách quan có ý nghĩa thiết thực giúp các quốc gia, cộng đồng và người dân giảm thiểu thiệt hại, ổn định đời sống kinh tế, xã hội và chính trị.

(2) Việt Nam là nước thường xuyên có nhiều cú sốc và căng thẳng bất lợi. Biến đổi khí hậu làm gia tăng tần suất và cường độ của thiên tai. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi và trên người thường xuyên xảy ra. Sự phát triển giao lưu quốc tế làm tăng nguy cơ lây lan của dịch bệnh. Trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, tác động của các biến động trên thị trường thế giới sẽ tác động nhanh và mạnh hơn vào thị trường trong nước. Quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa, thay đổi cấu trúc dân cư dân cũng sẽ làm phát sinh đòi hỏi phải có những điều chỉnh tương ứng trong ngành nông nghiệp. Để chủ động đối phó với các vấn đề nêu trên Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần có chủ trương, kế hoạch, chính sách và bố trí nguồn lực tương xứng để triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả.

(3) Đại dịch COVID-19 đã tác động sâu rộng tới tất cả các mặt đời sống xã hội ở nước ta và trên khắp thế giới, trong đó có ngành nông nghiệp. Đại dịch này đã cho thấy vai trò quan trọng của việc duy trì một nền nông nghiệp mạnh, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia làm điểm tựa để ổn định đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội. Tuy nhiên, đại dịch đã có những ảnh hưởng tiêu cực đến ngành nông nghiệp, làm suy giảm sản xuất một số lĩnh vực sản xuất nông sản hàng hóa sử dụng tươi sống; giảm việc làm và thu nhập của một bộ phận lớn nông dân; gây đứt gãy ngắn hạn một số chuỗi cung ứng vật tư, nông sản, nhất là trên thị trường buôn bán tiểu ngạch. Để đối phó với các tình huống tương tự trong tương lai ở cấp quốc gia, Việt Nam cần tiếp tục chú trọng phát triển nền nông nghiệp vững mạnh; đảm bảo vững chắc an ninh lương thực quốc gia.

Để nâng cao khả năng chống chịu của ngành nông nghiệp cần có chính sách hỗ trợ nâng cao nhanh năng lực bảo quản nông sản tươi sống, nhất là các phương tiện bảo quản lạnh, tiếp tục nâng cao năng lực chế biến trong nước; phát triển đa dạng các ngành nghề phi nông nghiệp ở nông thôn để tạo việc làm và thu nhập tại chỗ cho nông dân; hoàn thiện chính sách an sinh xã hội; phát triển bảo hiểm nông nghiệp; đa dạng hóa thị trường xuất nhập khẩu nông sản và vật tư nông nghiệp; nhanh chóng chuyển buôn bán tiểu ngạch sang chính ngạch; phát triển cơ sở hạ tầng và dịch vụ logistics phục vụ kinh doanh nông sản trong và ngoài nước; nâng cao vai trò của truyền thông và chuyển đổi số trong quản lý phát triển ngành nông nghiệp.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Adelodun B., Kola Yusuff Kareem, Pankaj Kumar, Vinod Kumar, Kyung Sook Choi, Krishna Kumar Yadav, Akanksha Yadav, A. El-Denglawey, Marina CabralPinto, Cao Truong Son, Santhana Krishnan & Nadeem A. Khan (2021). Understanding the impacts of the COVID-19 pandemic on sustainable agri-food system and agroecosystem decarbonization nexus: A review. *Journal of Cleaner Production*. 318: 128451
- AgroInfo (2020). Doanh nghiệp nông nghiệp thích ứng hậu covid-19. Truy cập từ http://agro.gov.vn/vn/tID29724_Doanh-nghiep-nong-nghiep-thich-ung-hau-Covid19.html ngày 22/05/2022.
- Bộ Công thương (2022). Báo cáo tổng hợp. Truy cập từ <https://moit.gov.vn/thong-ke/bao-cao-tong-hop> ngày 22/05/2022.
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). Đại dịch COVID-19 ảnh hưởng tới chuỗi cung ứng các sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản. Truy cập từ <https://kinhtevadubao.vn/dai-dich-COVID-19-anh-huong-toi-chuoi-cung-ung-cac-san-pham-nong-lam-nghiep-va-thuy-san-19565.html> ngày 22/05/2022.
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021). Báo cáo tổng kết ngành năm 2021. Hà Nội, ngày 27/12/2021.
- Cao Truong Son, Nguyen Xuan Hoa, Vo Thi Thu Hoai, Le Thi Thu Huong, Luong Duc Anh, Doan Thanh Thuy, Dinh Thi Hai Van & Mitsuyasu Yabe (2022). Effects of Covid-19 Pandemic on Surface Water Quality: A Case Study in Hong–Thai Binh River, Vietnam. *J. Fac. Agr., Kyushu Univ.* 67(2).
- Cần Văn Lực & cs. (2020). Cập nhật tác động của đại dịch COVID-19 đối với các ngành kinh tế Việt Nam. *Tạp chí Thị trường Tài chính Tiền tệ*. Truy cập từ: <https://thitruongtaichinhliente.vn/cap-nhat-tac-dong-cua-dai-dich-covid-19-doi-voi-cac-nganh-kinh-te-viet-nam-28398.html> ngày 22/05/2022.
- Đào Lê (2020). Ngành logistics trước nhiều thách thức. Truy cập từ: <http://www.baodongnai.com.vn/tieu-diem/202005/nganh-logistics-truoc-nhieu-thach-thuc-3005004/> ngày 22/05/2022.
- Đỗ Thị Diệp & Nguyễn Văn Song (2016). Chiến lược sinh kế ứng phó với biến đổi khí hậu ở vùng ven biển: Lý luận và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*. 229(2): 2-10.
- Đỗ Thị Diệp & Nguyễn Văn Song (2019). Sinh kế của các hộ dân ven biển tỉnh Thái Bình trong bối cảnh biến đổi khí hậu: Thực trạng và giải pháp. *Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam*. 17(9): 705-714.
- FAO (2021). *The State of Food and Agriculture: Making agrifood systems more resilient to shocks and stresses*. Rome, FAO.
- FAO, IFAD, UNICEF, WFP & WHO (2021). *The State of Food Security and Nutrition in the World 2021: Transforming food systems for food security, improved nutrition and affordable healthy diets for all*. Rome, FAO. <https://doi.org/10.4060/cb4474en>.
- Headey D. & Fan S. (2010) *Reflections on the Global Food Crisis. How Did It Happen? How Has It Hurt? And How Can We Prevent the Next One?* International Food Policy Research Institute. Research Monograph 165. Truy cập từ: <http://www.ifpri.org/sites/default/files/publications/rr165.pdf> ngày 22/05/2022.
- IPSARD, IFAD & ADB (2020). Báo cáo đánh giá tác động của đại dịch COVID-19 đến nông dân sản xuất nhỏ và người dân nông thôn Việt Nam. Hà Nội, tháng 8/2020.
- Kaplinsky R. & Morris M. (2001). *Handbook for value chain research*. Truy cập từ http://asiandrivers.open.ac.uk/documents/Value_chain_Handbook_RKMM_Nov_2001.pdf ngày 22/05/2022.
- Lê Văn (2021). COVID-19 buộc nền nông nghiệp Việt Nam phải chuyển từ 'mù mờ' sang tự chủ. *Báo Tin tức (Thông tấn xã Việt Nam)*. Truy cập từ: <https://baotintuc.vn/thoi-su/covid19-buoc-nen-nong-nghiep-viet-nam-phai-chuyen-tu-mu-mo-sang-tu-chu-20211028210613576.htm> ngày 22/05/2022.

- Liên hợp quốc (2020). United Nations Common Guidance on Helping Build Resilient Societies, New York (UN). Truy cập từ: <https://unsdg.un.org/sites/default/files/2021-09/UN-Resilience-Guidance-Final-Sept.pdf> ngày 22/05/2022.
- Liên hợp quốc (2021). The Food System Summit - Action Tracks. Truy cập từ: <https://www.un.org/en/food-systems-summit/action-tracks>
- Luu Ngọc Lương, Nguyễn Hữu Nhuận & Nguyễn Tuấn (2020). Giải pháp giảm thiểu thiệt hại do tác động của đại dịch COVID-19 đối với khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. 731: 11-13.
- Minarelli, F., Francesco Galioto, Meri Raggi, Davide Viaggi (2020). Asymmetric information along the food supply chain: a review of the literature. Truy cập từ: <https://www.harper-adams.ac.uk/events/ifsa/papers/5/5.4%20Minarelli.pdf> ngày 22/05/2022.
- NEU-JICA (2020). Đánh giá các chính sách ứng phó với covid-19 và các khuyến nghị. Truy cập từ: https://www.jica.go.jp/vietnam/vietnamese/office/topics/c8h0vm00009crmm6-att/210305_01_vn.pdf ngày 22/05/2022.
- Nguyễn Việt Long (2022). “Lời giải” cho điểm nghẽn logistics ngành nông nghiệp. Truy cập từ: https://www.ey.com/vi_vn/consulting/solutions-for-the-bottleneck-in-vietnams-agricultural-logistics ngày 22/05/2022.
- Shawn Tan & Trang Trần (2020). Tác động của đại dịch covid-19 lên doanh nghiệp Việt Nam. Truy cập từ: <https://documents1.worldbank.org/curated/en/937751607059001993/pdf/Impacts-of-COVID-19-on-Firms-in-Vietnam-Results-from-the-Second-Round-of-COVID-19-Business-Pulse-Survey.pdf> ngày 22/05/2022.
- Thúy Quyên (2021). Kết quả phân tích chuỗi cung ứng ngành trong bối cảnh Covid-19. Cổng thông tin điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Truy cập từ: <https://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=50462&idcm=188> ngày 22/05/2022.
- UBND tỉnh Bình Thuận (2021). Doanh nghiệp nông nghiệp nỗ lực khắc phục khó khăn, không để đứt gãy chuỗi sản xuất. Truy cập từ: <https://www.binhthuan.gov.vn/4/469/65109/609709/tin-tuc-doanh-nghiep/doanh-nghiep-nong-nghiep-no-luc-khac-phuc-kho-khan-khong-de-dut-gay-chuoi-san-xuat.aspx> ngày 22/05/2022.
- VASEP (2022). 5 highlights of Vietnam's seafood export industry in 2021. Retrieved from <https://seafood.vasep.com.vn> on May 22, 2022.
- VCCI-World Bank Group (2021). Tác động của dịch bệnh COVID-19 đối với doanh nghiệp Việt Nam, một số phát hiện chính từ điều tra doanh nghiệp năm 2020.
- Vo Huu Cong, Tran Duc Vien, Ho Thi Thuy Hang, Pham Minh Hen, Nguyen Hong Hanh, Nguyen Duc Luong & Tran Dang Anh (2021). Circular Economy Approach in Livestock Waste Management in Ba Vi District, Hanoi. Proceedings of International Conference on Climate Change and Sustainability Management in Vietnam and Taiwan. pp. 267-274.
- Võ Hữu Công, Trần Đức Viên, Lại Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Lan, Đinh Hồng Duyên, Lý Thị Thu Hà, Lê Văn Hùng, Vũ Thị Thu Trà, Nguyễn Thị Hương Giang & Cam Thị Thu Hà (2021). Thực trạng môi trường bãi chôn lấp lợn dịch tả châu Phi tại tỉnh Thái Bình. TNU Journal of Science and Technology 226(14): 37-44.
- Webb P., Derek J. Flynn, Niamh M. Kelly, Sandy M. Thomas & Tim G. Benton (2021). Covid-19 and Food Systems: Rebuilding for Resilience. Food Systems Summit Brief Prepared by Research Partners of the Scientific Group for the Food Systems Summit. Retrieved from : <https://sc-fss2021.org/> on May 22, 2022
- Zhang, J., Zhao, A., Ke, Y., Huo, S., Ma, Y., Zhang, Y., . . . Liu, K. (2020). Dietary Behaviors in the Post-Lockdown Period and Its Effects on Dietary Diversity: The Second Stage of a Nutrition Survey in a Longitudinal Chinese Study in the COVID-19 Era. *Nutrients*. 12(11). doi:10.3390/nu12113269.